

Thanh Tịnh

QUE ME



QUE ME

THANH TỊNH

QUÊ MẸ



TƯ A

Thanh Tịnh có lẽ là nhà văn đầu tiên ở miền Trung đã trình bày các mối dây liên lạc nối ông với đồng nội quê hương, những dây liên lạc nhẹ nhàng như tờ đồng ngày thu, nhưng không vì thế mà kém phần vương vịt và quyến luyến. Gió mùa của cả một vùng làng mạc và đồng ruộng ấy, chúng ta thấy lướt qua trong tác phẩm của ông, trong những truyện ngắn mà hầu hết khung cảnh là luỹ tre của một xóm nhỏ, hoặc dòng sông con chảy qua ruộng lúa xanh tươi. Cốt truyện chỉ là những việc xảy ra trong đời thường ngày của các nhân vật vẫn sống trong các làng, bến rải rác theo dọc sông, hoặc đã rời bỏ các nơi ấy đi làm ăn phương xa, nhưng mà trong lòng lúc nào cũng tưởng nhớ cái Tình Quê-hương đằm thắm.

Làng Mỹ-lý (một dặm đẹp) có lẽ không phải là một làng có thật trên bản đồ. Nhưng mà lại thật hơn, nếu tôi có thể nói thế, — đầy đủ và hoạt động hơn bất cứ một làng nào. Làng Mỹ-lý có lẽ chỉ là biểu hiệu cho tất cả các

làng mạc trong một miền, nhưng cái tài của tác giả đã khiến cho gần gũi và thân mật ; chúng ta tưởng đâu như sống đã lâu năm ở trọng đó, cùng với người làng tham dự vào các công việc hàng ngày và cùng chia xẻ những nỗi buồn, vui :

Và chúng ta được chứng kiến những công việc rất thôn quê và mộc mạc. Một ngày gặt lúa, một buổi ra làng, hay một chuyến đò dọc từ chợ làng Thiện đến đầu làng Viễn-trình. Những cảm tình cũng giản dị như cuộc đời sống ấy, và chỉ đầy đủ hương vị trong luỹ tre hay trên đồng ruộng ấy mà thôi. Có lẽ, linh hồn người ở đây còn nhiều màu sắc khác, trong cuộc sống còn nhiều bi kịch khác, nhưng mà tác giả chỉ tả có cái vẻ êm ả và nên thơ. Tâm hồn ưa thích cái gì vừa đẹp đẽ, vừa nhẹ nhàng, tác giả không lách đi sâu, nhưng dừng lại ở một làn gió, ở một cái thoảng hương thơm của hoa cỏ bốn mùa. Chiều trong Quê Mẹ thực dịu dàng, và bóng trăng trong Quê Bạn cũng hiền lành êm ả. Tình quê hương của cô Thảo là một cái tình man mác và an-nam-lâm. Cũng như cái tình yêu trung thành và kin đáo của cô Sương, an phận và nhẫn耐 ngay từ trước khi yêu. Và trong những tình đó, có

cái gì nho nhỏ, xinh xinh, một cái gì đáng yêu thương khiến chúng ta cảm động ; và chúng ta chú ý lắng nghe cái giọng hò máy đây (trong câu truyện hay Tình trong câu hát) ngắn dài trên phà Tam-giang, giữa cánh đồng bát ngát và dưới « trời một vùng đêm dài không hạn ». Đó là tiếng nói của những tâm hồn quê kia, bài ca hát của đất nước một miền đồng ruộng, nhờ tác giả mà nhịp điệu và giọng buồn đến thăm thía chúng ta.

Thanh Tịnh đã muốn làm người mục đồng ngồi dưới bóng tre thổi sáo để ca hát những đám mây và làn gió lướt bay trên cánh đồng, ca hát những vẻ đẹp của đời thôn quê. Ông có đạt được chặng cái ý muốn ấy, và tiếng sáo kia có uyển chuyển du dương không, tôi xin để các bạn đọc phán đoán lấy. Tôi chỉ muốn nói rằng trong lúc các nhà văn ta bắt đầu trở về đất nước để gìn giữ các hương hoa, Thanh Tịnh đã cho chúng ta nghe cái tiếng sáo nhỏ và thanh của ông, khẽ nỗi lên lẩn với tiếng hò của bạn gặt trên sông để ca ngợi cái tình và cái thi vị của một vùng.

QUÉ MẸ

*Chiều chiều ra đường cửa sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

(CA DAO)

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm Hương-thơ ở làng Mỹ-lý. Anh Vận trước kia có theo học chữ quốc ngữ, nhưng đã hai năm thi Yếu-lược không đậu nên anh ta lại thôi. Qua năm sau dân trong xóm bàu anh ta lên làm Hương-thơ trong làng. Ngày nào anh cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư, rồi chiều đến lại phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện.

Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng — hay nói cho đúng lương năm — của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mươi ruộng và năm đồng bạc để làm tiền lộ phi. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức việc đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Nhưng ở vùng quê, được một chức nghiệp

như thế, anh Vận cũng cho là danh giá lắm. Và bà Lại, mẹ anh Vận, lúc nói chuyện với những người quen, cũng không quên tự hào được một người con ra đảm đương việc làng việc nước.

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào sáu mươi ruộng tranh và ba mươi ruộng lảng để sống năm này tháng khác.

Chiều hôm ấy lúc thoảng thấy bóng chồng đi về đến cổng, cô Thảo liền vội vàng ẵm con ra sân đón. Thấy anh Vận ra dáng mệt nhọc nên cô ta chưa dám hỏi gì hết. Vào tối sân, anh Vận liền đến ngồi trên cái chồng. Cô Thảo đê con ngồi một bên chồng rồi đột ngột chỉ cây thanh-trà bên bờ hè nói khẽ :

— Cây thanh-trà mới đây mà đã có trái rồi cậu à.

Anh Vận đê con ngồi trên chân, rồi cúi đầu xuống nhìn mặt con dịu lời đáp :

— Thế à Cây thanh-trà ấy trông dáng khô khan không ngờ lại giống tốt.

Cô Thảo ghé ngài một bên chồng nói tiếp :

— Cây thanh trà ấy tôi đem từ bên nhà qua đây. Mới hai năm đã có trái ăn được kè cũng nhanh thật.

Anh Vận như sực nhớ một việc gì, nhìn vợ hỏi vội :

— Tôi nhớ ra rồi. Hôm ấy là ngày giỗ ông bên mơ. Mợ về làng ăn giỗ rồi đem cay thanh trà ấy qua cho tôi. Tôi cũng quên lúc ấy mợ đã có thẳng Lun chưa ?

— Rồi, nhưng nó mới được ba tháng.

— Mà tôi quên giỗ ông nhầm ngày mấy ?

Cô Thảo nhìn chồng mỉm cười :

— Được vài ông rề qui như cậu thì ngày giỗ của nhà tôi cũng không khỏi hương tàn bàn lạnh. Giỗ ông nhầm một ngày dễ nhớ nhất mà cậu cũng quên.

Anh Vận như nhớ lại được, gật đầu lia lịa :

— Thôi tôi nhớ được rồi. Giỗ ông vào tiết Trung-thu phải không mợ ?

— Không phải, ngày rằm tháng tám.

Anh Vận lớn tiếng cười vang làm cho thẳng Lun cũng phải ngẩng mặt lên nhìn ngạc.

— Rõ ngớ ngẩn như đàn bà. Tiết Trung-thu bay rằm tháng tám có khác gì nhau. Có khác là người hay chữ họ thường gọi tiết Trung-thu, còn người ... ít hay chữ thì gọi rằm tháng tám...

Cô Thảo nhìn chồng cười mỉm :

— Người hay chửi với lại người ít hay chửi ! Thì cậu cứ nói người dốt với người thông có được không.

Thật ra thì anh Vận cũng có ý nói người hay chửi với người dốt, nhưng lại sợ làm mếch lòng vợ.

Anh Vận nhìn ra trước cồng yên lặng. Tháng Lụn cũng muốn tut xuống đất đùa với đàn gà con đang đi qua gần đấy. Cô Thảo vào nhà thắp đèn rồi lại trở ra ngồi chỗ cũ. Mảnh trăng trong lúc ấy đã bắt đầu giội ánh sáng dịu dàng qua hàng tre trước cồng.

Trong thấy ánh trăng, anh Vận quay lại hỏi vợ :

- Hôm nay là mấy rồi mà trăng sáng quá?
- Ngày mười ba.

Anh Vận thả hai chân xuống chõng nệm vợ ngạc nhiên :

— Thế ngày mốt là ngày giỗ ông rồi à ?
Và ngày mai là ngày mợ phải về làng.

- Cô Thảo cúi đầu ném xuống đất đáp khẽ:
- Phải.

Anh Vận đưa tay lên gãi đầu :

— Thật tôi vô tình quá. Ngày kỵ đã gần đến mà cũng quên.

Cô Thảo ngồi yên lặng không đáp. Thật

ra tối hôm ấy cô muốn xin chồng về làng giỗ ông, nhưng cô không muốn nói thẳng. Cô tự nghĩ nhắc chồng ngày giỗ ở nhà mình là một việc chướng lầm. Thật tự nhiên để cho chồng nhớ lại thì hơn. Nhưng mãi đến chiều cũng không nghe chồng nói gì, nên cô phải mượn đến chuyện cây thanh-trà để nhắc xa xuôi cho chồng nhớ.

Tối hôm ấy, cơm nước xong xuôi, anh Vận liền đến xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ.

Bà Lại nhìn cô Thảo đang ấm con đứng tựa bên cột bão khẽ :

— Ủ về thì về. Nhưng bên nhà ngày mai giỗ ai mà tôi cũng quên phắt đi rồi.

— Thưa mẹ, giỗ ông con.

— Thế à.

Nghĩ một lát bà ta nói tiếp :

— Mai mợ chắc phải về làng sớm. Lúc ấy có lẽ tôi cũng chưa dậy. Vậy tối nay mợ ra ngoài vườn cắt một buồng chuối mật — buồng chuối gần bên cái giếng ấy — để về giỗ ông. Năm nay tôi bận việc nhà quá, chắc qua không được. Thôi nhờ trời năm khác.

Nói xong bà Lại lách bàn tay vào túi yếm lấy ra một hào xu rồi đưa cho cô Thảo.

— Thôi cho mợ một hào để đi đò. Và nhớ

chờ đê em ngồi nhìn xuống mặt nước.

Cô Thảo vội vàng đỡ con xuống, đưa hai tay nhận tiền tò ra vẻ sung sướng lắm.

Trước khi đi ngủ anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này chỗ khác cho cô Thảo thêm bốn hào nữa.

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đật xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mặt vào nhà. Cô đem đê vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khơi. Xong rồi cô mới qua bên nhà cô Thị mượn đôi hoa tai vàng và cái nón lá mới. Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sắm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ-lý hơn mươi lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. Xưa kia cô từng qua lại làng Mỹ-lý ngày một đê bán gạo, nhưng sau lúc cô ra lấy chồng thì quên nhà đói sởi cô đã là nơi xa lạ.

Qua những con đường mòn chạy nấp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước. Trong tri cô hiện ra lần lần hình ảnh của cô Thu, cô Nguyệt, cô

Hương, những cô bạn mà trước kia cô cho là thân nhất.

Nhưng đời các cô ấy cũng như cô, nghĩa là cũng có chồng, có con và quãng đời làm dâu cũng vất vả, cũng phẳng bằng như nhau hết.

Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đò cho đỡ chân, nhưng sức nhơ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

Qua khỏi đầu làng Duyên-hải thì cô Thảo gặp cô Đài, người bạn cùng lang thường chơi với cô ngày trước. Cô Thảo nhờ cô bạn gánh hộ buồng chuối mật và mấy gói bánh mua bên chợ Kỳ-lâm. Cô Đài vui vẻ nhận lời ngay. Vào quán nước ở gần đấy nghỉ một chốc, hai cô lại cùng nhau lên đường chuyện trò không ngớt.

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở. Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi遠 xa đã kêu réo lên om sòm như gặp được người sống lại. Họ hỏi thăm cô chuyện này chuyện khác, mục đích là để xem cô ăn mặc độ này có khác hơn trước không. Cô Thảo thấy người làng chào

bởi mình vốn vã nên đáp lại rất vui vẻ. Cô ta không quên lấy cái nón xuống, giả vờ quạt vào mình để mấy người đứng chung quanh được thấy đôi hoa tai vàng của cô.

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra níu áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cầm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trong thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau cô đưa thẳng Lun cho mẹ ôm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quấn quít bên cháu, bên con quen cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết.

Sung sướng nhất là cô gái có chồng về nhà mẹ. Cô Thảo tuy về giỗ ông nhưng không làm gì hết. Cô vào phòng mẹ nằm ngủ cả buổi chiều, mãi đến lúc gần中午 cô mới chịu đi ra ngoài.

Lúc cô đứng lê thì ông Vạn, thân sinh cô, vuốt râu cười nói :

— Con phải lê thế phẫn chồng con nữa.
Nó làm gì bên ấy mà không qua.

Cô Thảo sau khi thút lùi ra khỏi chiếu mới khẽ đáp :

— Dạ, nhà con mặc việc quan.

Cô Khuê, chị em chú bác với cô Thảo, đứng gần đấy trè mồi nói tiếp :

— Thứ đồ làm Hương-thơ mỗi năm ăn ba mẫu ruộng mà cũng gọi là việc quan.

Ai nấy đều nghe thấy nhưng không ai cãi lại. Ông Vạn đứng cúi đầu xuống hơi ngượng. Còn cô Thảo gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp. Nhưng ngay lúc ấy cô lại gấp cặp mắt của mẹ đang nhìn cô chòng chọc. Cô đau lòng quá đến đền hai dòng lệ chảy dài trên má.

Sáng hôm sau, cùng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ-lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp áo quần mới đền mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu

ra hai cặp áo quần ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm.

Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tăm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại bùi ngùi, trí cô lại bận rộn.

Rồi chiều chiều gấp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vơ vẩn nhìn về làng Quận-lão. Nhưng làng Quận-lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài ven đồi xa thẳm.

BẾN NÚA

Xem chợ lá làng Thiên. Trời mưa tầm tã. Trước khi cho thuyền rời bến, cô Phương còn nhìn lên bờ hỏi lớn :

— Ai về Viễn-trình thì xuống mà về.

Tiếng cô lạc mắt trong tiếng mưa rì rào của buổi chiều tàn buồn bã. Hôm ấy thuyền cô vắng khách. Cô đã cho thuyền đậu thêm một giờ nữa, nhưng người về vẫn không thấy một ai.

Cô lái đò liền nhô sào gác trên mũi rồi từ từ cho thuyền quay lại. Ngay lúc ấy một cụ già hắp tấp chạy xuống bờ sông đưa chiếc dù lên cao gọi lớn :

— Cô Phương ghé thuyền cho tôi về với.

Phương kéo ngắt chiếc nón lá, nhìn lên bờ qua những dòng mưa chí chít :

— Cụ Uẩn đấy à ? Cháu tưởng cụ chiều mai mới về.

Vừa nói Phương vừa cho thuyền quay

mũi vào bờ. Cụ Uần xách đôi giày hạ trên tay, lội ra khỏi bờ chừng năm bước. Lúc thấy mũi thuyền gần cung vào bờ, cụ Uần liền đưa một tay giữ lại. Đoạn cụ bước lên thuyền rồi vội vàng chui vào trong mui.

Tiếng cô - Phương dâng sau lái nói :

- Cụ cởi áo ướt vắt trên dây. Hết nước mưa thấm vào người độc lắm.

Tiếng nước mưa xối mạnh trên mui làm át cả tiếng cô Phương. Cụ Uần không nghe rõ nên nhìn ra sau lái hỏi :

- Cô Phương hỏi gì ?

Phương nhìn vào mui thấy cụ Uần cởi áo ra rồi nên nói tiếp :

- Cụ xem giùm thằng Nghèn của cháu nó đã ngủ chưa.

Tiếng cụ Uần trong mui đáp ra

- Rồi.

Phương lắng lặng đưa mai chèo đầy đều đều trên mặt nước. También thoáng cô lại đưa tay vuốt mấy dòng mưa chảy tràn trên mặt. Phương vừa chèo vừa nhìn lên hai bên bờ để hy vọng vài người khách chậm chạp còn đuổi theo thuyền cô. Nhưng sau luỹ tre cao ngọn, cô ta chỉ nom thấy vài ngọn đèn xanh đang rung rinh trong bóng nhạt.

Trước đây hơn một năm, Phương cùng chồng làm nghề chờ khách từ chợ làng Thiên đến làng Viễn-trình. Hai làng cách xa nhau trên bốn mươi cây số. Lệ thường cứ đến chiều nhồ sào, thì sáng mai vào khoảng tám giờ, thuyền đã đến làng Viễn-trình. Làng Viễn-trình ở gần biển, nên dân trong làng thường đem cá tôm lên chợ Thiên bán.

Tất cả gia tài của hai vợ chồng Phương là một chiếc thuyền rộng ba mui, và đâu được ba bốn chục bạc. Lấy nhau được một năm thì Phương sinh thằng Nghèn. Mỗi lần ăn Nghèn trên tay, chồng Phương thường tươi cười nói với vợ :

— Thằng Nguễn là cục vàng biết nói của tôi đấy, mơ ạ.

Phương nhìn con, nhìn chồng, rồi một giọng ngây thơ nói sẽ :

— Cậu nói làm tôi nhớ hồi còn đi học, thầy giáo có bắt tôi học bài : Gà đẻ trứng vàng.

Chồng Phương âu yếm nhìn vợ rồi tự nhiên cười sung sướng.

Qua mùa đông năm sau, chồng Phương mang bệnh thương hàn rồi từ trần. Nghèn lúc ấy mới hơn hai tuổi.

Theo nghề của chồng xưa, Phương lại một mình đưa thuyền qua ngày tháng.

* * *

Trời sẩm tối. Thuyền của Phương đến đầu làng Mỹ-lý thì trời tạnh mưa. Xa xa bên chân đồng làng Duyên-hải, đám mây đen dày đặc đã nứt ra dần, để lọt một thứ ánh sáng xanh dờn của mảnh trăng cuối thu.

Phương vừa chèo vừa cất giọng hò lạnh lanh :

*Đi đâu cho thiếp theo cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp theo.*

Phương tự nhiên cảm thấy lòng lạnh lẽo và buồn man mác. Cụ Uần ngồi trong mui, với một giọng ngại ngủ hỏi sě :

— Cô Phương ơi ! Thuyền đã đến đâu rồi cô nhỉ :

Phương nhìn lên đám lách um tùm hai bên bờ sông rồi đáp :

- Đến làng Đồng-yên rồi cụ à.
- Thật cô chèo mau quá.

Nghìn nghe có tiếng động, tự nhiên lồn cồm ngồi dậy khóc. Cụ Uần đỡ ngon đỡ ngọt một hồi lâu cũng không được. Cụ liền mặc thêm áo rồi bước ra sau lái nói với Phương :

— Thôi cô vào ầm cháu ngủ đi. Đè tôi chèo cho.

Cô Phương còn dùng dằng chưa chịu nghe :

— Ai lại đè cụ chèo.

Trong mui, tiếng Nghèn lại khóc thét lên. Cụ Uân giục :

— Cô đưa tay chèo cho tôi. Tôi tuy già nhưng trai tráng chưa chắc đã chèo kịp tôi.

Phương biết từ chối cũng không được, nên đưa chèo cho cụ Uân.

Nghèn thấy bóng mẹ đi vào thì khóc già hơn trước. Phương ầm con trong lòng nói sỗ :

— Thôi con ngủ đi. Về đến làng Viễn-trình mẹ sẽ mua kẹo cho con.

Nghèn được thề quay đầu vào ngực mẹ khóc lớn :

— Con không ăn kẹo.

Phương đưa tay vỗ nhẹ vào lưng con :

— Thế con muốn gì ?

Nghèn mếu máo :

— Thầy con đâu ?

Rồi như mọi ngày, lúc nghe con hỏi đến cha, Phương lại nói dối :

— Thầy qua chợ Sinh mua áo tốt cho con.

Nghèn lại vùng vắng dầu nồng nịu :

— Con không cần áo tốt. Thầy con đâu ?

Lệ thường đến lúc này, tung lầm, Phương mượn một người khách trong thuyền vờ làm « thầy » để dỗi con. Lúc ấy Nghèn mới chịu ngủ yên bên người cha già. Nhưng hôm ấy thuyền vắng khách, quanh quần chỉ một mình cụ Uẩn và Phương. Phương đang lúng túng chưa biết tìm kế gì, thì Nghèn đã khóc lớn :

— Thầy con đâu ?

Phương kiên nhẫn dỗ con :

— Con nin đi. Mợ gọi thầy về đây.

Đưa đầu ra ngoài mũi, Phương gọi lớn :

— Thầy nó đã về chưa. Mau xuống thuyền chẳng thằng Nghèn không chịu ngủ.

Trong bóng tối của luỹ tre xanh chạy dài theo bến Nứa, tự nhiên có tiếng người đáp

— Tôi về đây. Ghé thuyền cho tôi về với.

Phương đang phân vân chưa biết người ta nói đùa hay nói thật, thì cụ Uẩn đã từ từ cho quay mũi vào bến.

Một người vận áu phục, nhanh nhẹn xách va-li bước xuống thuyền :

— Đâu, Nghèn của tôi đâu ? Sao nó lại không chịu ngủ.

Phương thấy người khách thì giật mình
bên lèn :

— Cậu Thảo đi đâu mà về khuya thế ?

Thảo cũng vừa thấy Phương, nên cúi đầu
ấp úng :

— Đò của cô mà tôi tưởng của ai.

Nghẽi một lát, Thảo nói tiếp :

— Tôi vừa xuống ga Mỹ-lâm về đây. Tôi
về thăm thầy mẹ tôi.

Cụ Uân thong thả cho thuyền ra khỏi bờ
rồi chèo xuôi theo dòng nước. Mảnh trăng
bạ tuần rây bụi vàng trên quang đồng lúa
rộng. Phương ấm con ra ngồi trước mui,
gương mặt tự nhiên ửng hồng và đẹp một
cách lặng lẫy. Tiếng nước reo hai bên mạn
thuyền nhẹ và êm. Nghèn ngược mắt
nhìn Thảo một hồi khá lâu rồi thở thê :

— Đây là thầy phải không mơ ?

Phương nhìn ra sông đáp sê, giọng
ngượng ngập :

— Vâng.

Nghèn đưa mắt trán tráo nhìn Thảo, nói
tiếp :

— Thế sao thầy không ấm con ?

Không đ𝐞 Nghèn nói hết câu, Thảo đưa
hai tay cất Nghèn lên rồi vụng về ấm vào lòng.

Nghèn sung sướng reo lớn :

— Thầy mua kẹo cho con đâu ?

Thảo cúi xuống mở vali rồi đưa cho Nghèn một gói kẹo tây.

— Kẹo cho con đây.

Lúc nói đến chữ con, lòng Thảo tự nhiên nghe êm êm một cách lạ. Phương nói lảng qua chuyện khác :

— Độ này thầy làm ở đâu ?

Thảo quay lại đáp :

— Tôi làm ở sở Hoả-xa. Hôm nay được mấy ngày nghỉ nên định về thăm nhà.

Nghèn vừa ăn kẹo vừa nhìn dàn dom dom lập loè hai bên bờ sông.

Phương đứng dậy quay đầu nhìn phía lái hỏi :

— Cụ Uẩn đã nhọc chưa. Đề cháu ra chèo thay cụ.

Nghèn đưa tay nắm chéo áo mẹ năn nỉ :

— Mẹ đừng ra chèo. Mẹ ngồi đây với thầy với con.

Phương cúi đầu nhìn xuống sàn thuyền. Hai má đỏ như gấc. Dưới ánh trăng gương mặt của Phương trông hồng hồng tươi xinh như băng sáp. Lòng Thảo hồi hộp sẽ như cánh bướm

Đằng lái, tiếng cụ Uần đáp lớn :

— Nước chảy xuôi nên chèo không mỏi.

Lúc nào cháu Nghèn ngủ sẽ hay.

Nghèn nhìn về phía sau lái hí hửng :

— Tiếng ai đấy mơ ?

Phương xoa đầu con :

— Tiếng cụ Uần.

Nghèn ngược mắt đăm đăm nhìn Thảo :

— Con sợ cụ Uần lắm.

Thảo tươi cười :

— Tại sao ... con sợ ?

Nghèn nói nhanh không suy nghĩ :

— Vì cụ ấy có râu.

Thảo nhìn Phương mỉm cười.

Tuy người già vờ làm thầy Nghèn mỗi ngày mỗi khác, nhưng Nghèn chỉ hơi ngạc nhiên một chút rồi quên ngay. Vì những người ấy, người nào cũng biết vuốt ve Nghèn và nhất là biết cho Nghèn quà bánh. Trước kia Nghèn hỏi đến thầy là vì nhớ. Chứ lâu nay Nghèn hỏi thầy là cốt để hỏi quà bánh thôi. Nghèn thấy Thảo ăn mặc sang lại vui vẻ thích lắm.

Con thuyền từ từ lướt nhẹ trên mặt nước, êm đềm như cái bóng. Thầy thuyền đến, vài con ngàn đang lội trên sông bỗng đập cánh

bay thẳng vào trong mây hàng cây đen tối.
Nước rây xuống như mưa.

Thảo cầm bàn tay xinh xắn của Nghền
trong tay mình rồi mỉm cười nhìn Nghền đang
cố gắng rút tay ra.

Phương chống cầm vơ vẫn nhìn mây
thứa ruộng chạy dài hai bên bờ sông, lòng
hơi thồn thức. Phương cũng không biếu lại sao
tối hôm nay lòng Phương lại rạo rực, tè mê
như đống tro tàn men hơi lửa.

Mặt trăng lúc ấy đã lặn hình trong đám
mây đen.

Màu xanh lam của màn sương bụi toả
hai bên bờ sông đã biến ra màu xanh bạc. Bầu
trời có vẻ nặng nề hơn trước.

Nghền tự nhiên nắm tay mẹ rồi từ từ kéo
mạnh. Một lát sau, Phương cảm thấy Nghền
đang đặt tay mình trên da tay một người khác.
Phương rung mình, toàn người run sê, hơi
hở mạnh và không đều.

Phương không dám quay mình lại. Nghền
nói lớn :

— Đây, mơ mở giúp mấy ngón tay của
thầy để con kéo tay con ra.

Thảo cảm phả i hơi lạnh ở da tay Phương truyền qua tay mình, nên toàn người nóng bừng, tay chân run nhẹ. Thảo như người bị thôi miên. Thảo thả bàn tay Nghèn ra rồi nắm bàn tay dịu mát của Phương. Phương cúi đầu nhìn xuống mặt nước, hai má đỏ bừng. Nghèn trùm hai bàn tay nhỏ xíu của mình ngoài bàn tay Thảo rồi nói lớn :

— Thầy giữ chặt lấy. Đừng thả ra.

Thảo sợ cụ Uần nghe được nên quay lại hỏi :

— Tiếng chuông chùa nào dấy cụ Uần?

Thảo vừa nói dứt lời, một tiếng chuông chùa đã dịu dặt thả giữa không trung một tiếng ngân dài não nuột.

Cụ Uần che tay ngang trán nhìn mông ra xa rồi đáp :

— Tiếng chuông chùa Đồng Tâm.

Phương quay lại nhìn Thảo, hai người nhìn nhau mỉm cười rồi cùng đưa mắt nhìn dòng sông sắp uốn mình trước mặt.

* * *

Năm qua, ngày tháng qua. Nghèn đã khôn lớn và không hỏi thầy như trước nữa. Nhưng

giữa đêm khuya, mỗi lần chèo thuyền qua
bến Núi, Phương lại cất tiếng gọi :

— Ai về Viễn-trinh thì xuồng mà về.

Nhưng đêm nào cũng như đêm nào, đáp
lời Phương, chỉ có tiếng chuông chùa Đồng
Tâm ngàn dài trên mặt nước.

CHÚ TÓI

Tôi còn nhớ rõ ràng, tối hôm ấy là một
đêm trăng về cuối hạ. Chúng tôi đang ngồi
học trong nhà, thì chú tôi nhân đi tĩnh về, ghé
lại thăm.

Thấy em gái tôi ngồi nghê nga học chữ
Hán, chú tôi đến đứng gần bên bàn, mỉm
cười, nhìn nó chòng chọc. Nghe nó học, cha
tôi đưa mấy ngón tay thon thon móng dài,
thong thả vuốt chải chòm râu xuồng, ra vẻ
đắc ý lắm.

Nhưng em tôi thì hẳn không đắc ý chút
nào, vì chữ nho là thứ chữ xưa nay nó vẫn
sợ. Theo ý nó cũng như theo ý tôi về thời
bây giờ, thì người ta bắt chúng tôi học chữ
nho là làm một việc hoàn toàn vô ích. Chữ
nho khó học cũng như khó hiểu, và chỉ đem
lại những sự rắc rối thêm cho đời học sinh
chúng tôi.

Nhưng mỗi lần nghe thầy dạy học bài giải những nghĩa thâm thuý của nó thì chúng tôi lại đậm ra ngày vực. Đầu sao, chúng tôi vẫn đồng lòng khinh và sợ những buổi học ác nghiệt nặng nề kia. Không mấy khi trong giờ chữ nào anh em tôi đọc thuộc bài. Tôi thì nhanh trí, lóm hốm còn đọc được vài ba chữ, chứ em tôi thì đứng ngập cảm ra đó như pho tượng.

Những ngọn thước quá thẳng tay của thầy Thiện đã bắt em tôi ghét luôn cả thầy lẫn chữ của thầy dạy nữa.

Nó thường gọi thầy Thiện là một ông ác thằn râu quặp. Và một hôm trước mặt học trò nó còn dám cả gan gọi thầy ta là ông đồ giàn. Tôi còn nhớ một hôm tan buổi học chiều, nó bờn hở tìm đến tôi và nhí nhảnh bảo tôi rằng :

« Anh Thanh ạ, thầy dạy chữ Hán tên Thiện nhưng kỳ thật thì ác lắm. Mà ác hơn thầy Thiện thì không phải một thầy tên là ác mà chính là ông thanh tra tên Le Bon. Anh có biết không, sau khi đến viếng lớp anh thì ông ta lại vào lớp em với ông đốc trường Mỹ-lý. Gặp thầy Thiện, ông ta liền ăn canness hỏi

ngay bằng một câu tiếng Pháp : Monsieur, comment vous appelez-vous ? ⁽¹⁾

Không ngần ngại, thầy Thiện liền chắp tay cung kính trả lời :

J'ai Thiện. ⁽²⁾

Thế là muôn tránh cơn tức cười, ông thanh tra phải vội vàng đi thật nhanh qua lớp khác.

Em tôi và tôi ghét chữ Hán bao nhiêu thì chú tôi lại thờ chữ ấy bấy nhiêu. Dũng đến chữ « thờ » để tỏ lòng chú tôi yêu quý nó, tưởng cũng không quá đáng. Vì chú tôi đã lầm lần tỏ ra vẻ thờ nó thật. Chẳng vây mà chú tôi lại đi rửa mặt, mặc áo đen dài trước khi đọc đến chữ Hán. Hay mỗi lần vô ý làm rơi quyền sô chữ Hán xuống đất, chú tôi lại lật đật cuộn lượm lên, rồi kính cẩn đội lên trên đầu gần vài phút.

Những cử chỉ ấy tưởng cũng không lạ mắt lắm. Vì chú tôi là một nhà thám nho lỡ văn. Cũng như các nhà hủ nho khác, chú tôi ghét bọn tây học vô cùng. Chú tôi bảo bọn

(1) Thưa ông, tên ông là gì ?

(2) Tôi có Thiện (ý ông ta muốn trả lời : " Là Thiện ", nhưng nói tiếng Pháp không thành).

trai theo tây học sau này chỉ tờ hất hiểu. Chú tôi còn mỉa mai bảo vẫn chữ tây như b (bê), q (cu), k (ca), h (hát), hay n (anh), m (em) là một thứ văn khi đọc lên thì không cao thượng chút nào cả. Ý hắn chú tôi lại muôn nói văn chương Pháp chỉ quanh quẩn trong nghề ca hát (k. h). trong đạo anh, em (n, m) chữ không có gì cao siêu hơn nữa. Về vấn đề này chú tôi đã lầm lần cãi lý với cha tôi rất kịch liệt.

Chú tôi bảo :

« Anh cho thằng Thanh đi học chữ tây thì sau này không khéo nó lại xách lư hương nhà ta đi bán mất. Thị nhà tây có bàn thờ đâu mà bảo nó đê lư hương ông bà nó lại,

« Nếu ông nghe lời tôi cho nó đi học chữ Hán thì sau này tệ đi nữa nó cũng ra làm hương làm lý với nước với làng. Mà tên ông bà trong gia phả lại khỏi phải nhờ ai đọc hộ nữa. Còn gì hất hiểu bằng lúc đem gia phả nhà ta nhờ người khác đọc. Anh nghĩ lại xem, ngồi bút lông mềm mại dịu dàng thì họ lại thay vào ngồi bút sắt. Mà bút sắt chỉ tạo được quân làm giặc. chứ tạo ra người quân tử hiền lương thế nào được? Ừ, nghĩ cho kỹ tóc trên đầu là

máu mủ của cha mẹ, họ còn giang tay cúp phăng đi được nữa là.

« Tôi không hiểu dân trong làng nghĩ thế nào mà cho con đi theo tây học được? Vì cái gương bất hiếu đã lộ ra trước mắt mà họ không chịu nhìn cho rõ. Không bất biếu mà bọn tây học dám kêu ông bà chúng nó là « ai ơi! » (aieux) in như lúc chúng kêu một người không bao giờ quen biết. »

Trước bao nhiêu lý luận nghiêm nghị và ương gàn ấy, cha tôi vẫn lắng lặng mỉm cười, chứ không bao giờ đáp lại.

Lần này có lẽ là lần đầu chú tôi mời ghé lại bên bàn để nghe chúng tôi học. Nghe em tôi đọc lớn mấy chữ Hán, chú tôi ra dáng mừng rỡ lắm.

Chú tôi lẩn tay trong chiếc bao con đeo trước ngực, lấy cặp kính ra rồi nâng hai cái công đề trên mép tai rất cẩn thận. Đoạn chú tôi chống tay lên bàn nhìn quyển vở chữ Hán của em tôi đang học.

-- Thầy dạy cháu học chữ Hán tên gì?
-- J'ai Thiện.

Em tôi nói xong liền kè má lên trên quyển sách cười ngặt nghẹo.

-- Thế nào? Thầy cháu họ Ro à?

Câu hỏi bất ngờ ấy lại làm cho em tôi cười lớn hơn nữa. Không hiểu chuyện gì, chú tôi cũng cất tiếng cười theo, nhưng với một giọng cười đao mạo nghiêm trang của phần đông người theo nho học.

Một lúc sau, em tôi ngồi khoanh tay trên bàn, giả vờ làm nghiêm rồi nói sẽ:

— Chú ạ, thầy cháu tên Thiện nhưng ác lắm.

— Ủ, thầy thương mới cho roi cho vọt cháu ạ.

— Nếu thầy thương bằng cách ấy thì bà cháu chịu thầy ghét còn hơn.

Muốn nói lảng qua chuyện khác, chú tôi liền thầm nước miếng trên đầu hai ngón tay rồi vừa lật từng tờ giấy quyền vở chữ Hán vừa khẽ hỏi em tôi :

— Chữ Hán cháu viết hay cháu đồ ?

— Cháu viết đấy.

— Nếu vậy thì cháu viết tốt hơn trước nhiều lắm !

— Chú bảo thế, chứ thầy Thiện thì cứ bảo chữ cháu viết như gà cào.

— Thì ai cũng vậy, đầu có gà cào thì sau mới ...

— Mới gì chú ?

— . . . Mới phung múa được.

— Thế người bạn cháu tên Phụng, sao
chữ chị ta viết cũng như gà cào ?

— Lý sự như cháu thì ương gàn lắm. Biết
nói đến lúc nào mới hết được ! Thôi, này lặng
để nghe cháu hỏi : *Khổng-Tử viết* là nghĩa gì
cháu có biết không ?

— Là xứ Ki ồng-Tử nói rằng.

— Ấy chết ! Đừng nói dài. Phải gọi ngài
là Đức Thánh mới được.

— Vâng, thì Đức Thánh Khổng-Tử nói
rằng.

— Không được kêu tên của ngài, chỉ nói
Đức Thánh là đủ rồi. Mà đã Thánh thì phải
dùng chữ « dạy » mới nghe được chứ !

— Rõ khổ, thế sao người làm sách lại
không nói : « Đức Thánh viết » ?

— Nếu nói Đức Thánh viết thì ai biết là
đức Thánh nào. Thôi cháu chờ cãi nữa. Day
sao thì học vậy, con nít mà đòi ngang tài với
Thánh-hiền xưa thì chẳng những không phải
đạo với « người trên đầu trên cổ » lại còn
không nên nữa cháu à.

— Thôi được, thì không nên. Nhưng không
biết Đức Khổng-Tử có họ hàng gì với ông
Khổng-Minh không ?

— Không, đức Thánh là người nước Lỗ...

Không để chủ tôi nói hết câu, em tôi liền lầu lỉnh ngắt lời, hỏi :

— Lỗ... là lỗ vốn ấy à, phải không chú?

Lần này không nén được cơn tức giận đã tràn trề trong lòng, chủ tôi liền hậm hực vào nhà lấy dù, rồi trở ra đi thẳng.

* * *

Đã hơn ba tuần chủ tôi không qua nhà tôi nữa. Ngày nào chủ tôi cũng xách dù đi quanh các nhà hàng xóm để khuyên những người lân cận nên cho con đi học chữ Hán. Nhưng đạo Khoảng, cũng như chủ tôi, đã già rồi, đã khàn hơi rồi, không ai còn chịu mất thì giờ nghe chủ tôi giảng giải nữa.

Nói không ai nghe, chủ tôi liền mở trường dạy chữ Hán, để quyến rũ con dàn trong lang đến học. Nhưng trường mở cửa đã mấy hôm mà số học sinh vẫn không quá hai người. Mà hai người ấy không phải ai là, chính là hai đứa con của chủ tôi len mười tuổi. Thấy bọn con nít trong làng đua nhau đi xin học ở trường Mỹ-lý, chủ tôi lại đâm ra ghen ghét. Có một lần, một bọn học trò trường Mỹ-lý đi ngang qua nhà chủ tôi, rồi

cất tiếng nhại giọng học của mấy cậu con. Qua mấy ngày sau chú tôi liền đi qua mấy làng Diệp-hải, Từ-sơn để quyến thêm học trò đến học. Nhưng số học trò của chú tôi vẫn như cũ dẫu lời hứa sẽ dạy không lấy tiền đã tràn ra khắp huyện. Trái lại trường Mỹ-lý cuối năm ấy, phải mở rộng thêm hai lớp mới đủ chỗ cho con dân trong làng đến xin học.

Một hôm tôi đến thăm thì thấy nhà chú tôi chật ních cả học trò. Tôi đương còn ngạc nhiên thì chú tôi kèu tôi lại gần rồi mỉm cười sung sướng sẽ bảo : « Đạo Thành-biền thì không bao giờ suy đồi được cháu ạ ! » Tôi hiểu biết chú tôi đang tranh cạnh một cách ám thầm với trường Mỹ-lý. Tiếng học lớn của bọn học trò chữ Hán đã làm chú tôi vui vẻ, vì Trường Mỹ-lý vẫn còn thua trường chú tôi về sự ôn ào náo nhiệt. Có một điều rất lạ là học trò trường chú tôi chẳng những không trả tiền thầy, lại được thầy cấp giấy mực để học và luôn cả bữa cơm trưa tại nhà thầy nữa.

Qua tháng sau tôi lại đến thăm, nhưng lần này thì nhà chú tôi hiu quạnh yên tĩnh, không huyên náo như xưa nữa. Vắng vắng chỉ nghe được mấy tiếng lè nhẹ của hai đứa

con chú tôi ngồi học. Hồi đến học trò thì chú tôi ngồi ôm đầu gối, thở dài rồi bảo :

— Chúng nó cũng theo học a, b, rồi cháu a.

Nói xong chú tôi liền gục đầu ôm mặt.

Thì ra hôm nay tôi mới biết, bọn học trò đồng đảo của chú tôi ngày trước là bọn chăn trâu mà chú tôi đã quyến rũ được ở ngoài đồng làng Quận-mỹ.

*CHUYẾN XE
CUỐI NĂM*

Chuyến xe lửa đêm ra Bắc hôm nay có
vẻ hấp tấp vội vàng như người đi trốn nợ.
Thỉnh thoảng đầu xe lại thét vội giữa quãng
đồng không, xa nghe như hơi thở dài của
đêm vắng.

Gió ngoài trời thổi vi vút toả hơi lạnh
khắp mấy toa vắng vẻ. Tâm ngồi dựa mình
vào lưng chiếc ghế dài, gác chân lên rương,
hai mắt lịm đìms muốn ngủ. Rải rác trong toa
có thêm năm hành khách khác nữa, nhưng
họ đã ngủ từ lâu. Tâm thấy giấc ngủ của họ
dễ dàng quá mà thèm. Nhưng Tâm cũng
không biết làm thế nào để ngủ được.

Tâm đã lấy kính đèn ra đeo để ánh sáng
trong toa đỡ chói, nhưng càng không thấy
được cảnh vật chung quanh Tâm càng nghĩ
vơ vẩn. Tâm buồn vì giữa lúc thiên hạ đang
nô nức trong gia đình đón xuân sang, Tâm
lại ngồi trong một toa xe lửa lạnh lẽo với

chung quanh những gương mặt hững hờ.

Buồn và tủi, Tâm muốn khóc để bao nhiêu nỗi khổ được tuôn ra. Nhưng Tâm vẫn không thể khóc được.

Sau bao nhiêu năm lăn lộn trong cảnh làm ăn chật vật, Tâm đã cảm thấy lòng mình rắn rỏi và nước mắt Tâm không chảy được dễ dàng như xưa. Hôm nay nghe hơi lạnh chạy lòng trong áo và ngoài trời tiếng gió thổi vi vu, Tâm miên man nhớ lại những mảnh đời xa cũ.

* * *

Chuyển xe vẫn chạy siết trên con đường sắt và in những tấm vuông sáng mập mờ trên quang đồng hoang vắng. Cả hai bên đường cứ ráo mình như khiếp sợ trước một sức mạnh oai nghiêm.

Mấy người vùng quê mới vắng nghe tiếng còi đã chạy ra giữa sân nhà đứng ngóng. Lúc thấy xa xa cặp mắt đèn đang khoét hóng đậm dày đặc, họ liền lầm bầm :

— Tàu hoả đã đến. Thế là mười hai giờ ; thế là đã qua năm khác.

Khắp trong thôn mấy tràng pháo chuột lách tách nổ lên một hồi. Hơi pháo đi gần.

Tiếng pháo đi xa và quyền luyến đuôi theo con tàu đêm Tết.

Hành khách trong toa đều giui mắt ngồi dậy. Sự thật họ không ngủ như Tâm đã tưởng. Họ thức và lòng họ cũng thao thức như Tâm.

Hành khách trong chuyến tàu này toàn là những người đã xa lạc gia đình. Suốt năm họ ăn cơm quán ngủ nhà thuê rồi gần Tết họ lại tìm về quê hương của họ. Họ đến ở tạm ít hôm trong nhà người quen để lại đi và tự hứa thăm sang năm về nữa. Tâm cũng ở trong cảnh ngộ ấy.

Một cụ già tay vẫn giấu trong hai túi áo, nhìn ra cửa sổ xe một lát rồi nói :

— Tiếng pháo giao thừa đã nổ ran rồi đấy.

Tiếng cụ như gieo rơi vào cõi không người. Không ai lên tiếng hưởng ứng. Nhưng lời cụ đã lạc vào tâm hồn những người ngồi chung quanh và bắt họ buông rầu nghĩ ngợi. Gương mặt người nào cũng thoáng hiện một nét buồn ngắn lạnh lung.

Tâm đưa tay kéo vành mũ xuống. Lúc đặt tay lại chỗ cũ Tâm thấy lạnh. Tâm loay hoay tìm lại dâng ngồi ấm áp trước, nhưng không thể được.

Con tàu vẫn thản nhiên chạy giữa cảng
đồng hoang.

* * *

Năm giờ sớm hôm sau, ánh sáng như
đến chui nhặt tất cả vẻ buồn đã sống lại trong
lòng Tâm giữa đêm tối. Nắng gieo ngoài nội
cố, nắng lướt trên dòng sông. Nhìn nắng
Tâm thấy lòng vui tươi hơn trước.

Cụ già ngồi bên cạnh Tâm lấy áo điếu ra
mặc. Mấy hành khách kia cũng tìm nước rửa
mặt và choàng thêm áo mới đủ màu. Tâm
thấy họ thay đồ mới cũng bắt chước làm theo.
Tâm mở rương lấy chiếc « cravate » màu vang
deo vào cổ và thay cái áo dạ đen đã bạc
màu. Tâm vừa thay áo xong thì người soát
vé mở cửa bước vào. Lúc thấy ai nấy đều
thò tay vào túi chực tìm vé thì người ấy tươi
cười nói vội :

— Xin các ông cứ ngồi yên. Đầu năm
tôi đến xin chúc các ông được vạn sự如意.

Tâm và mấy người trong toa đứng dậy
chúc lại.

Nhưng mỗi người nói mỗi câu nên lộn
xộn không nghe được câu nào. Người soát
vé cùi chào mọi người rồi đi sang toa khác.

Tâm đưa mắt nhìn theo và cảm thấy tâm hồn tự dừng nao nức.

Cụ già hết chúc người này đến người khác. Họ chúc lẫn nhau và đem mứt bánh trong rương mời nhau ăn một cách vui vẻ. Tâm cũng dự vào bữa tiệc con con ấy và Tâm so sánh sự vui trong lòng mình với ánh nắng mùa xuân lạc trên đồng cỏ mới.

Từ toa cuối, một thiếu phu trẻ tuổi đãt đưa con trai lững thững đi lên. Mọi người quay lại nhìn thiếu phu yên lặng. Thiếu phu cúi đầu chào rồi mỉm cười nói :

— Chết ! có lẽ cháu là người đầu tiên đến xông rồi.

Cụ già vuốt râu nói tiếp :

— Nhưng nếu cô đến xông trước cũng không hại gì. Vì cô có dẫn theo đứa con trai. Theo tục lệ xưa chúng tôi tin nhà ai được hai mẹ con đến xông lần thứ nhì thì hay lắm.

Thiếu phu tươi cười :

— Nghe là như cháu đến xông nhà các bác hiện giờ. Nhưng hay thế nào cụ ?

— Là nhà người ấy được đoàn tụ và nhà người đến xông được vợ chồng hoà hiệp.

Thiếu phu cúi đầu xuống như để giấu một chút lệ buồn thoáng mở trong mi. Vô

tình cụ đã tự mỉa mai người khác. Trên trán cụ nét nhăn khẽ bẩm mạnh lên trên nét nhăn già.

Một lát sau thiếu phụ tươi tỉnh :

— Các bác cho cháu đến ăn Tết ở đây cho vui. Ở toa cuối không có ai hết.

Cụ già vui vẻ :

— Vâng cứ tự nhiên, nhà chúng tôi cũng như nhà cô.

Cụ già nói giọng thành thạo đến như quên mình đang ở trong toa.

Qua ga Mỹ-lý, chuyến xe lửa ra Bắc lại từ ánh sáng mờ mịt của buổi chiều tàn như dẫn mình trong bóng tối mênh mông của cảnh đồng bát ngát.

Một gia đình gồm có những người không gia đình đang vui vẻ ăn Tết và đang quay bánh lăn dài trên con đường sắt.

* * *

Trời lại sáng. Tâm giật mình tinh dại. Tâm lấy làm lạ là cụ già, thiếu phụ và mấy hành khách kia không còn trong toa nữa. Tâm ngồi nhớ lại cảnh êm ấm của một gia đình tạm chiều hôm qua. Bên lòng Tâm như còn vương lại ít nhiều hương vị của ngày

Tết. Tâm say sưa và lòng Tâm bát ngát. Nhưng Tâm còn muốn niu lại trong lòng, hương vị ấy lại dần dần tan mất. Tâm thất vọng. Lòng Tâm lại lạnh như gió ngoài trời đã lạnh.

Tâm bàng hoàng đứng đây... Cảnh gia đình êm ấm chiều hôm qua đổi với Tâm đã như một cảnh đoàn viên trong mộng, Tâm không tin có thật. Cũng như Tâm đã sợ không dám tin Tâm có gia đình.

Tâm xuống ga Vinh

RA LANG

Năm ấy tôi học lớp nhất trường Mỹ-lý. Tôi tuy còn ít tuổi, nhưng người tôi độ ấy trông đã cao xổng và bệ vệ lắm. Làng Mỹ-lý dân cư ít, nên mỗi năm vào kỳ tế thần thì dân trong làng phải ra đình cho đủ. Đó là cái lệ thường năm, nên đến kỳ tế không súc mà ai cũng biết. Có năm muộn đám rước thần được trọng thể, ông Lý lại còn cho đói cả con dân trên mười làm tuổi ra làng nữa.

Ra làng đói với tôi hồi ấy là một sự vui thích hiếm có, vì nếu ông Lý không cho đói, thì chưa chắc tôi đã được tự do ra xem họ tế lễ. Nhưng có ra làng một lần mới biết lắm cái khổ nhục đáng sợ, mà đâu minh giàu tưởng tượng đến đâu cũng không ngờ trước được.

Trước hôm tế thần một ngày, ông Lý có ghé lại nhà tôi và ân cần cho gọi tôi ra nói:

— Bác thấy năm nay cháu cũng đã lớn rồi, vậy mai là ngày tế thần, cháu phải ra đình một hôm cho biết. Có ra đình mới biết

làng biết nước, biết dại biết khôn, chứ lục đục luôn trong nhà thì không bao giờ biết khôn được cháu à. Vâng cháu lại học trò thì công việc cháu cũng chỉ thấp hương hầu Thành hầu Thần là đủ rồi, chứ không ai bắt cháu làm gì nặng đầu mà cháu sợ.

Nghe ông Lý nói tôi tưởng như lên天堂 được, nhưng không dám để lộ nét vui tươi ra ngoài mặt, vì còn sợ cha tôi bảo tôi nhắc học định kiểm cớ để ở nhà.

Tôi chỉ đứng lặng ngược mắt nhìn cha tôi, còn ông Lý thì đưa mắt nhìn tôi như muốn dò ý tứ.

Sau lúc uống một hớp nước trà nóng, cha tôi thông thả để chén xuống bàn, dịu dàng bảo tôi :

— Ủ thi năm nay con đã lớn, rồi cũng phải ra làng cho biết... Bác Lý đã có lời dạy thế, thi tối nay con phải tắm rửa cho tinh khiết mới được.

Thấy công việc mình sắp đặt được ôn thoả, ông Lý liền đứng dậy cáo từ cha tôi rồi xách dù đi qua mấy nhà khác.

Thấy tôi còn đứng bên cạnh bàn chưa chịu đi, cha tôi tưởng tôi không bằng lòng nên quay lại hỏi :

— Thế nào, con không muốn ra làng à ? Có ra làng mới biết người trên kề dưới, biết thương hạ tôn li được con ạ. Ngoài cái ích được học khôn lại có cái vinh hạnh ngồi trên dân nữa.

— Ngồi trên dân thế nào được, thật tình con không hiểu.

— Thì thật tình con ngu lầm. Ngồi trên dân nghĩa là được ăn trên ngồi trước dân, có khó gì đâu mà không hiểu. Ngu đến thế mà cũng đòi sang nám đi thi với cử.

Tối hôm ấy tôi phải chạy quanh xóm để mượn một cái khăn. Nhưng không nơi nào có, hay có thì rộng không vừa với đầu tôi. Sau cùng tôi phải lấy liều cái khăn của bác xã Thuyền, một người thường đến nhờ tôi đọc thư hay viết yết thi.

Khăn của bác ta hơi rộng thật, nhưng tôi định chèm vào phía sau một cái vỏ diêm không, thì chắc cũng vừa được. Nhưng cái khăn lại đầy những chấm trắng tròn chuột khói, trông không khác gì một cái hộp tròn bằng mun khảm cằn. Tôi phải bỏ ngót nửa giờ để lấy mực bôi vào những chấm trắng ấy. Thế là khăn đã đen rồi, chỉ còn áo dài nữa là

đủ. Nhưng áo đen dài thì không lo, tôi chỉ mượn bịt tôi kết lại mấy cái nút áo vải dù — tôi thường mặc đi học — là được.

Sắp đặt đâu đầy xong xuôi tôi lên giường định đi ngủ thật sớm. Nhưng tiếng mõ đầu làng đưa lại làm tôi giật nẩy mình luôn. Tôi muốn ngủ nhưng không tài nào nhắm mắt được. Tôi trằn qua trở lại mãi. Bao nhiêu cảnh rực rõ ngoài đình mà tôi thấy được lúc đi học về đã làm cho tôi rối trí. Tôi tưởng tượng đến vẻ oai nghiêm của thần thánh, vẻ đạo mạo của mấy viên chức sắc trong làng, rồi tôi dám ra lo sợ. Tôi lại tự nhận mình là một người quan trọng trong làng, một người đã biết tham dự đến việc tế thần tế thánh, không khác gì — theo ý tôi — một ông quan được dự vào việc triều đình để bàn việc cai trị cả muôn dân. Những ý nghĩ viễn vông ấy làm cho tôi sung sướng quá đến ngủ quên lúc nào không biết.

Sáng hôm sau tôi đã nghe tiếng trống ở đầu làng đưa đến rất kêu và rất chậm. Tôi vươn vai đứng dậy định đến bên bàn sắp sách vở lại để sửa soạn đi học, thì cái khăn nằm gần đầy nhắc tôi nhớ tới câu chuyện ra làng.

Tôi nhìn lại cái khăn để trên bàn rùng mình như bị điện giật. Vì trên mặt khăn mấy con gián ác nghiệt đã khởi thêm mấy lỗ khá lớn nữa. Còn những chấm trắng tôi đã bôi mực cũng không chịu đen toàn vẹn cho, chỉ rái ra trên mặt khăn những chấm lốm đốm màu đen ợt. Có lẽ vì tôi bôi mực trên mấy chấm trắng ấy lúc ban đêm, nên mới trông qua thì tưởng đã đen nháy nhưng kỳ thật thì còn nhạt lắm. Thế là tôi phải mất thêm mười phút để hàn lại mấy chỗ trắng, và phết thêm một lớp mực nữa.

Công chuyện chưa lại cái khăn vừa xong, đồng hồ trên tường đã gõ tám giờ. Chị tôi vào gọi tôi ra ăn cháo và mỉm cười nói chế tôi một câu rất khó chịu :

— Gọi em lấy lê thôi, chứ hôm nay thì em thiếu gì xôi thịt ở làng lại phải ăn cháo ở nhà. Chị được như em thì chị nhịn đói đến hai hôm trước khi ra đình, vì có vậy mới săn bụng nạp xôi thịt được.

Nói xong chị tôi lấy vật áo trước che miệng cười như nắc nẻ.

Tôi cũng chưa thẹn liều bằng một câu khôi hài rất nhạt nhưng hiệu nghiệm vô cùng. Câu ấy tuy không dính dáng gì với câu

của chị tôi nhưng lại làm cho chị tôi sượng sùng không dám đứng nói khay với tôi nữa :

— Em được ra làng là chuyện dĩ nhiên. Chứ chị muôn năm cũng không làm gì ra làng được. Nhưng đều ấy không đáng lo lắm. Vì năm nay đã có anh Huân, rè mới của thầy, ra làng thế cho phần chị rồi.

Chị tôi cúi đầu thẹn đỏ cả mặt, đi thật nhanh xuống bếp không dám quay đầu ngo lại nữa.

Ăn cháo xong, tôi gói cái khăn vào một tờ giấy nhạt trình rồi theo một đường rất hẻo lánh để đi đến đình.

Đường hẻm dẫn ra đình thì dài lắm và còn nhợp là khác, nhưng đi đường ấy tôi được yên lòng hơn. Dọc đường tôi khỏi sợ gặp thầy giáo hay chúng bạn cùng học một trường. Đi với tôi có những ông già lụ khụ cong mình trên gậy trúc, và những anh chàng trai trẻ, mặt mày đen xám, quần ống thấp ống cao; như quanh năm họ chỉ ở ngoài cảnh bùn lầy nước đọng. Mấy anh này vừa đi vừa nói đến chuyện làm ăn, cãi nhau om sòm và hăm hè nhau như quân thù địch.

Tiếng thanh la đầu làng đưa lại, như thúc hối, nhưнат la làm cho tôi cứ bắn khoăn

mãi. Đã gần đến đình chứng nào thì lòng tôi lại thấy lo sợ hồi hộp chứng nấy. Một mối lo sợ vẫn vơ không nghĩa lý cứ ám ảnh tôi hoài ngay từ lúc tôi nhận thấy mái đình xa xa sau rặng liễu.

Trước khi đi đến đình tôi phải đứng lại sau cái miếu Thần Đá để đợi cái khăn lên đầu cho tề chỉnh. Trước kia tôi đã định thêm phía sau khăn một cái vỏ diêm không cho vừa với đầu tôi, nhưng rủi tôi lại quên không đem theo. Tôi phải đành ngồi xếp lại tờ nhật trình. Đoạn lót vòng giấy cong ấy ra phía sau đầu tôi trước khi đợi khăn lên. Rồi lấy hết dáng điệu rất tự nhiên — nghĩa là chỉ tự nhiên trong trí tưởng tượng — để đi thẳng vào đình.

Tôi thấy ai cũng đứng lại trông tôi nên tự hờn thẹn và ngượng nghิú quá. Nhưng sau thấy người đi qua đi lại càng lúc càng đông nên dần dần tôi không lo sợ như trước nữa. Tiếng ồn ào trong đình đưa ra, tiếng thanh la từ ngoài sân đưa vào làm buyên náo cả một góc làng tịch mịch. Vì nghe nbiều thứ tiếng quá nên tôi hoà ra can đảm và nhất là bất thiệp với mấy người quen biết.

Nhưng chỉ phiền cái khăn cứ theo nhip

bước của tôi mà tụt dần xuống mãi. Lắm lúc tôi muốn rặn cái đầu của tôi ra để ngăn cái khăn lại, nhưng không hiệu nghiệm gì. Từ lúc ấy tôi thấy ai đầu to, đội khăn vừa vặn, tôi cũng đám ra thèm muốn. Tôi loay hoay chưa biết nên tìm một việc gì để làm hay lại đi ra ngoài bờ ao để xem họ mồ trâu bò như mấy năm còn nhỏ.

Nhưng tôi nghiêm lại công việc của tôi năm nay chắc không như mấy năm trước được. Nghĩ vậy nhưng tôi cũng không biết phải đi làm việc gì. Tôi cũng ra làng như ai nhưng lại không được mấy người dân anh để ý một cách quá sốt sắng như mấy tên dân khác. Nhưng được họ để ý thì thèm khổ vì họ la và sai không hở miệng.

Trong đình làng lúc ấy là một nơi các viên chức sắc đầu khầu rất kịch liệt. Không ai chịu nhường tiếng lớn cho ai. Họ nói oang oang và la hét như những người điên tiết. Rồi rõt cuộc ai lớn tiếng manh hơi là người ấy có lý, người ấy được dân làng coi là người biết chuyện.

Nghe họ cãi nhau chán quá, tôi lững thững toan đi ra sau đình thì một hồi trống vang lên làm tôi giật mình lật đật chạy ra

phía trước. Lúc ấy là lúc dân làng đang sắp sửa rước thần ra miếu Thần-hoàng cách xa đình gần nửa cây số. Tôi lại gần bên hương án chực đi theo sau như những hồi tôi còn nhỏ, thì một người lạ mặt đến đặt tay lên vai tôi rồi nói tôi nói sê :

— Thiếu một người cầm lọng che hương án, vậy mà phải cầm lọng để hầu thần.

Tôi chưa biết phải xử trí thế nào cho họ biết tôi là một người học trò thì người lạ mặt đã đặt vào hai tay một cái lọng vàng chổng sắn.

Tôi tức uất cả người vì còn gì nhục bằng ra làng cầm lọng hav cầm cờ nữa. Tôi tự trách tôi đã quá tin lời ông Lý nên để dân làng mới khinh miệt cái hăng Sơ-học Yếu-lược của tôi như thế.

Tôi muốn đứng khóc rõ to để cho dân làng biết tôi đang bị người ta làm nhục, nhưng chung quanh tôi toàn là những người mặt rám da chai nêni tôi cũng không buồn nước mắt khóc nữa. Tôi định đưa mắt tìm cha tôi để yêu cầu sự che chở thì may quá, tôi lại thấy ông Lý từ dǎng xa vác dù đi lại. Tôi lập đặt chạy ra cản đường ông ta. Tôi chỉ đưa mắt nhìn ông ta và cầm thằng cái lọng để tỏ ý

bất bình của mình chứ không nói năng gì hết. Chừng ông ta cũng hiểu nên bước lại gần tôi rồi cúi đầu bảo khẽ tôi rằng :

— Cháu còn nhỏ yếu sức, và cái lọng này nặng lắm cháu cầm không nổi đâu. Đề bác đồi người cho cháu cầm cái gươm nhẹ và đẹp hơn.

Thế là tôi phải buộc lọng cầm cái gươm gõ trong không khác gì một vị tướng con hát hò.

Cầm cái gươm thì thích hơn cầm cái lọng, nhưng cũng không thong thả và sung sướng bằng đi tay không. Tôi liếc thấy thằng Đồng mặc áo thung xanh đứng sau hương án, mà tôi thèm thầm cái phần của nó. Thằng Đồng học thua tôi một lớp nhưng nó giỏi chữ Hán, lại con ông bộ trong làng nên được cử làm văn lễ, sung sướng và thanh nhàn hơn tôi nhiều lắm.

Bắt đầu tôi ghen với nó, sau thấy nó mỉm cười trong tôi một cách kiêu ngạo, nên tôi lại đâm ra thù ghét nó.

Đám rước thần bắt đầu cử hành. Mấy lá cờ ngũ hành đi trước tung theo chiều gió và phe phẩy rộn rã như những lá cờ trên mặt trận. Mùi hương trầm toả ra êm dịu đã xoà nhạt

lòng ganh ghét của tôi và cho tôi thấy công việc cầm gươm trong đám rước cũng thích thú vô cùng. Tôi bước đều đều theo tiếng trống kèn và không còn thấy ngượng nghịu như trước nữa. Sau đám rước là một lũ con nít hồn hở đi theo. Trông mặt đứa nào cũng vui vẻ như nhà chúng nó có kỵ. Còn hai bên đường thì người đứng xem đông đúc không xiết.

Qua khỏi cổng Quan thì tôi bỗng giật mình, vì đám rước sẽ rẽ về xóm Thiện và đi ngang qua trước trường Mỹ-lý... Tôi lo sợ quá nên điều đình với người cầm gươm đi ngang hàng tôi để đổi chỗ.

Đổi được chỗ tôi cũng hơi yên lòng một chút, thầy và học trò ở trong trường chắc không thè nào thấy tôi được. Nhưng khổ quá, lúc đám rước đi qua trường thì nhầm lúc học trò ra chơi. Trông thấy tôi, học trò liền la lên như sấm dậy :

— Lý-Tịnh, Na-Tra, Na-Tra, Lý-Tịnh,...

Chừng chúng muốn bảo tôi là Lý-Toét, nên gọi tôi là Lý-Tịnh. Na-Tra, tên hai vị tiên trong truyện Phong-thần.

Tôi muốn cầm đầu đi thật nhanh, nhưng đám rước lại chậm quá, mãi đến năm phút

sau tôi mới hết nghe tiếng « Na-Tra, Lý-Tịnh » theo đuôi sau tôi.

Quá khỏi trường lòng tôi lại được yên tĩnh như trước. Tôi bỏ từng bước một đều đều theo tiếng trống và luôn luôn liếc qua người bên cạnh để đi cho thẳng hàng. Đến xóm Bàu đầm rước phải đi qua những cánh đồng ruộng đường trơn như mờ.

Xa xa bên kia đồng, dưới bóng một cây bàng cao lớn, cái miếu Thần-hoàng không còn vẻ hoang vu như trước nữa. Bên những cây cờ cầm chung quanh miếu, thấp thoáng hơn vài chục bóng người đang đứng chờ đám rước đến.

Xong chuyện cáo Thần, dân làng lục tục kéo nhau đi về đình. Lúc về vắng tiếng trống kèn, không có trật tự, tôi lại thấy ngượng ngùng như trước.

Tôi muốn nhờ người quen cầm hộ cái gươm cho đỡ thẹn, nhưng trong ai cũng không rảnh tay hết. Muốn tránh đi qua trước trường học, tôi phải đi vòng quanh ra phía sau, đường đã nhôp lại dài gấp hai.

Ra đến đường cái tôi lại gặp mấy chị con gái trong làng đi chợ. Tôi thận dò cả mặt và nồng bừng cả tai. Muốn khỏi trơ trên, tôi

liền quay cái gươm gỗ mẩy vòng trên tay, nhưng vô ý thế nào lại đâm cán gươm đánh nhầm cái rồ của chị Cầm bắn ra thật xa. Tôi muốn đến xin lỗi nhưng ấp úng nói không ra lời, còn chị Cầm thì e thẹn đứng cúi đầu. Một chị lên giọng khôi hài bảo tôi:

— Ông tướng hắt bộ hôm nay múa gươm vụng về quá. May chị Cầm đưa khiên ra đỡ kịp không thì đã bỏ mạng rồi.

Nói xong mẩy chị khác cười rộ lên làm cho tôi ngượng愧 tưởnđến hoà điệu được. Mặc đâm chị Cầm tự đi lượm rồ lấy, tôi cầm đầu rảo chǎn đi một mạch không dám ngó lui, cũng không dám trông ai đứng hai bên vệ đường nữa.

Về đến đình thì trời đã đứng truá. Trong đình lúc ấy không huyên náo như khi mai nữa. Một bàn không khí yên lặng từ tốn đã rải khắp mẩy gian đình. Thị ra lúc ấy là lúc các quan viên chức sắc và dân làng đang đánh chén. Họ khẽ khà nói rất sē và rất ít, vì họ chỉ sợ mất thi giờ ngồi nói chuyện gẫu, và sợ nhất là mất những thức ngon nóng hổi sắp trên bàn.

Lắm lúc có người nói rất vô lý nhưng cũng không thấy ai lớn liểng cãi lại. Bao

nhiều tâm lực họ đều thâu vào đôi mắt để tìm thức ăn và để biết gấp đồ ăn ngon trước mọi người.

Những cái thìa gấp nhau trong bát canh, những đôi đũa chạm nhau trên đĩa thịt bò tái, những cái húp ừng ực, những cái ngobiển dẻo dang hợp lại làm thành một điệu âm nhạc không tên nhưng lại có tuồi. Thì có khó khăn gì đâu, cái định làng làm được bao nhiêu năm thì bản âm nhạc kỳ quái ấy lại có bấy nhiêu tuồi.

Khit bên bàn có lầm đứa trẻ đứng sau lưng bồ nô, và thỉnh thoảng được bồ nô quay lưng lại giùi trong tay nó một oắn xôi vắt nhô hay vài lát bò thui.

Từ mai đến trưa có lẽ chỉ lúc này là dân làng mới làm việc một cách chăm chỉ và... yêu lặng hơn hết. Nhưng lệ thường «tửu nhập ngôn xuất» nên không bao lâu những tiếng cãi cọ lại nhao nhao nổi lên như cũ.

Lúc tôi đi vào đình dan làng đã ăn hơn nửa bữa rồi. Nghe ông Lý bảo đến ăn tôi cũng đi tìm một chỗ chót bẹt đê ngồi. Nhưng vừa mời ngồi xong ông Lý đã đến bảo tôi đứng dậy rồi kéo tôi đến một chỗ khác cao quí hơn. Tôi muốn nói cao quí là vì cái phản

tôi đến ngồi họ kê cao lăm. Còn quí thì không hẳn quí lăm, vì chung quanh tôi chỉ có già với cụ già. Tôi cũng tưởng được ngồi đây là yên phận, không ngờ một cụ già ngồi dưới tôi đứng dày phì phao nói lớn :

— Thưa với thầy Lý, trò ấy tuy có học nhưng cũng còn nhỏ tuổi. Tôi tuy dàn ngũ nhưng đã già. Nói cho đúng tôi cũng sánh được vai chú vai bác của trò ấy được, đó là chưa nói đến vai ôn mè. Thầy cho nó ngồi trên tôi thì thật thầy đã muốn cho nó khinh tôi và khinh luôn cả tuổi già sút yếu của dàn làng nữa

* * *

Qua năm sau vào kỳ tế thần tôi nhất định không chịu ra làng nữa, mặc dầu cha tôi đã hết lời khuyên : « Năm nay con đậu bằng Tiêu-học Yếu-lược thì không ai dám đe con ngồi với dàn đâu. Được thấy con lần hơn thiên hạ thì cha cũng không khỏi mừng thầm và vui sướng được ».

Không hiểu lời khuyên của cha tôi có thành thật không, chứ lôgn tôi lo sợ lăm. Vì năm ấy tôi đã mạnh dã cao hơn năm trước, tôi chỉ sợ ra đình họ lại — biết chừng đâu

được — bắt tôi đi cầm lòng, thì cái lợi thật không bù cái hại. Và cái hại đáng sợ nhất là không phải cái hại mất thè diện, mà thật ra cái hại mất... ăn.

Thế là tôi lại phải trở về chỗ cũ. Trong lúc đi qua đi về, những đĩa thịt bò tái bã sạch như chùi rồi. Tôi dùng chữ « chùi » thật không quá lốm, vì họ ăn uống thế nào lại trong những chén lương, những bát canh sạch tinh như hồi mới rửa

TÌNH THƯ

Đêm ấy trăng sáng lầm. Mẹ tôi bảo chúng tôi đem ghế bàn ra sân để học cho mát. Một cơn gió thoảng qua, ngọn đèn lại được dịp phun vài lớp khói lên không và bắt ra những hơi nồng khó thở. Mẹ tôi yên lặng ngồi khâu áo bên em tôi. Thỉnh thoảng mẹ tôi lại đưa tay nâng cặp kính để ngay ngắn trên sống mũi. Em tôi ngồi nghê nga học, mình chồm tới ngả lui, làm lung chuyền cả cái ghế đang ngồi. Tôi thì đang hí hoáy vẽ lại cái bình mực đã mẩy hôm bỏ dở.

Ánh trăng êm dịu xuyên qua mẩy tàu lá chuối rồi nhẹ toả trên chiếc bàn chúng tôi mẩy bóng đèn lớn luôn luôn xao động. Mùi hương bên giàn hoa lý bay ra thơm ngào ngạt.

— Rắn là một loài bò ... i... a... Rắn là một loài... Rắn là một loài bò....

Nghe câu học của em tôi hơi lạ tai, mẹ tôi từ từ lấy cặp kính xuống rồi mỉm cười

nhin em tói chàng chọc. Dưới nhà bếp lại đưa lên một nhịp cười khúc khích của vú Bảo và thằng Lê.

— Ai dạy con rắn là một loài bò ?

Tiếng học của em tói át cả lời mẹ tôi, nên nó vẫn điềm nhiên ngồi học :

— Rắn là một loài bò ... ê ... a ... Rắn là một loài bò ... sát không chân ... ê ... sát không chân ...

Cả nhà phả lên cười. Ngay lúc ấy ở ngoài cổng cũng hướng lên một nhịp cười của ai nghe rất trong trẻo. Hai con vẹn vồ ra sủa. Mẹ tôi cất tiếng hỏi :

— Chị Sương đấy phải không ?

— Vàng !

— Đi đâu mà khuya thế ?

— Bác chưa ngủ à ? Em Thành có ở nhà không ?

— Chị nó bảo đi đâu mà không ở nhà.

Rồi mẹ tôi hối thằng Lê ra mở cổng.

Sương vào.

Hai con vẹn nhặt được người quen nên không sủa nữa.

* * *

Chị Sương là con gái bác lý Hoàng, năm

Ấy mươi mười bảy tuổi, người tính nết dịu dàng dáng yêu và ăn nói có duyên lẩm. Chị ấy ở cách nhà tôi một xóm nên thường đến chơi luôn. Lần nào qua nhà chị cũng nhớ đem quà đến cho chúng tôi. Vì vậy mà thành thói quen. Mỗi lần chị quên là thằng Thuyên, em tôi, giữ chị lại không để cho chị về.

Năm ấy tôi học lớp ba trường Mỹ-ly, còn em tôi thì học lớp năm. Mỗi ngày tan buổi học chiều, chúng tôi thường rủ nhau lên tèn ga Hoà-an để xem xe lửa chạy. Ga này nằm ở giữa đồng bát ngát, xa xa mới thấy một ngôi nhà ném trong buồn tê lẩm. Sở dĩ « Nhà Nước » dựng lên cái ga ấy vì làng tôi có con đường cái đi xuyên qua huyện Sơn-hải cách ga gần lám cày số. Lần nào đi học về chúng tôi cũng gặp chị Sương gánh gạo lên đó bán.

Chị Sương tối hôm ấy ăn mặc như các cô gái quê làm dáng ở miền Trung: áo vải trắng dài, quần lanh đen, đi chân không; nhưng trông người chị xinh xắn và nhanh nhẹn.

Chị Sương đến tựa bên bàn chúng tôi rồi nhìn em Thuyên tôi cười bảo:

— Rắn cũng là loài bò nữa ư em Thuyên? Thế mà chị cứ tưởng nó là loài trâu.

Nói xong chị Sương lại cười. Một nhịp

cười thảng thắn tự nhiên của lăm cô gái quê lúc được nghe một câu chuyện gì hơi ngộ nghĩnh.

Em Thuyên tôi ngược mắt nhìn chị Sương cười rồi bỗng nhiên cũng ôm bụng cười theo. Một lúc sau em tôi tươi tỉnh hỏi :

— Chị Sương đem quà gì cho em đây ?

Chị Sương lại nói đùa thêm một câu và lại lấy thân áo trước bịt miệng cười khúc khích. Một mớ tóc đen mướt toả xuống che khuất nửa trán của chị. Mẹ tôi tươi cười bảo :

— Chị Sương chắc hôm nay có ai đi hỏi nên mới vui vẻ thế. Thảng Thuyên xin chị mía đi, chẳng sau chị ấy đi lấy chồng thì khó xin lăm đấy !

Thôi cười, chị Sương nhe cút đầu xuống đáp :

— Bác thương thì dạy thế, chứ ai thèm gi những con gái quê !

— Những gái quê nhà làng mình thì hiếm lăm chị Sương a. Thị từ ngày nhà nước bắt con đường sắt đi qua làng mình, con trai trong làng ế vợ là thường chửi con gái thì toàn đi lấy chồng thầy thông thầy ký ở các tỉnh lân.

— Thật vậy không bác !

— Sao không thật ! Năm ngoái chị Hồ chẳng lấy ông đốc trưởng Mỹ-lý đó ư. Còn

chị Viêm con bác cả Lai thì đã có thầy dạy
thẳng Thuyên sắp đến hỏi.

— Làm sao bác biết được?

— Làm mồi dong cho người ta mà không
biết thì chỉ bảo còn ai biết hơn nữa.

Câu chuyện sắp kéo dài ra nữa thì hổng
mẹ tôi sực nhớ chị Sương nãy giờ vẫn đứng
nên vội nói lớn:

— Ấy chết, vô tình lại để khách đến chơi
đứng mỏi chân. Thuyên con vào nhà rinh chiếc
ghế ra mau.

— Được, bác để mặc cháu.

Em Thuyên tôi vào nhà một lúc lâu mới
hì hục rinh ra một chiếc ghế đầu. Chị Sương
thấy vây đến đón ngay lấy ghế rồi nhanh nhẹn
đến đặt ngồi gần một bên tôi. Đoạn chị cất
tiếng hỏi:

— Em Thành không đi nghe hát già gạo
bên xóm bàu à?

— Đi qua miêu Thành em sợ lầm, và lai
chắc tối hôm nay thế nào thầy dạy học em
cũng có đi xem...

Ngâm nghĩ một lát tôi lại cười nói tiếp:

— À, chị Sương này, bắt đầu từ hôm nay
chị hãy gọi em bằng cậu cho oai, vì sang năm
em đã đi thi bằng Yếu-lược rồi đấy!

Chị Sương tuy không biết đi thi bằng Yếu lược là gì nhưng cũng níuỗn làm vui lòng tôi :

— Ủ thì cậu Thanh. Chị muỗn nhờ em một việc này.

— Lại còn em !

— À quên, nhờ cậu một việc này.

Chị Sương đưa mắt nhìn mẹ tôi, lưỡng lự. Sau thấy mẹ tôi vẫn ngồi yên khâu áo, chị mới kẽ miệng sát tai tôi bảo khẽ :

— Cậu có biết thầy xếp ga không ?

Tôi vô tình nói Jờn :

— Lạ lùng gì thầy Xuân mà tôi không biết, chị cũng quen với thầy Xuân à ?

Lần này chị Sương đỏ hừng mặt lên rồi ấp úng nói như người hoảng sợ :

— Rõ cậu Thanh khéo nghiên chuyện quá !

Mẹ tôi cúi đầu, nhìn chị Sương trên đôi vòng kính, đoạn mỉm cười :

— Ủ, thì thằng Thanh nghiên chuyện làm gì để cho chị Sương thận !

Nói xong, mẹ tôi bảo em Thuyên đi ngủ, và cũng đứng dậy lững thững đi theo sau nó vào nhà. Chị Sương ngượng nghịu :

— Bác cũng đi vào ngủ à... Sao bác không cho em Thanh đi ngủ luôn thê...

Mẹ tôi quay lại cười :

— Tôi vào uống nước, còn thằng Thanh
thì để nó học thuộc xong bài trường đã !

* * *

Nói vậy chứ mẹ tôi ở nín thảng luôn
trong nhà không chịu ra. Chị Sương ngồi im
lặng một hồi lâu mới dịu lời bảo tôi :

— Em Thanh à, lúc chiều thày Xuân có nhờ
anh lon-ton đưa cho chị một phong thư, chị
không biết quốc ngữ nên mới qua nhờ em
đọc hộ.

Chị sương kéo trong túi áo ra một cái bì
màu vàng, đoạn lách hai ngón tay ghép trong
bì lấy một mảnh giấy gấp tư đưa cho tôi.
Tôi cầm thản mở tờ giấy trải lên bàn rồi
chấm chú đọc.

Em Sương,

*Trông em tôi yêu lắm, không đêm nào
tôi không mong thấy em. Nếu em cũng đồng
bệnh tương tư như tôi, thì em nói thật, để
tôi mượn người đến tận nhà thày mẹ hỏi
xin em.*

Người yêu em : Nguyễn Xuân

Chị Sương chống cằm ngồi yên lặng, hai
mắt đăm đăm nhìn lên đót cau gió khuya
đưa qua lại. Ngoài đường lúc ấy vắng lặng,

chỉ thỉnh thoảng xa xa đưa lại vài tiếng chó sủa lên trời hay những nhịp đều đều của mấy chiếc chày vồ giã gạo.

Chị Sương bỗng giật mình nhìn tôi.

— Em Thanh đọc xong rồi à ? Còn nữa hết ?

— Hết rồi.

— Hai trang giấy mà chỉ có thể thôi à ? Thôi em chịu khó đọc lại cho chị nghe một lần nữa.

Lần này nghe tôi đọc, chị Sương mặt mày nở ra dần rồi lấy phong bì đang cầm trên tay che miệng cười chầm chậm. Tôi đọc xong, chị Sương lắc lắc phong thư lật qua lật lại trên tay một hồi lâu mới nghiêng đầu về bên tôi nói sẽ :

— Em Thanh à, em viết hộ cho chị một phong thư trả lời, sáng mai chị sẽ cho em năm xu.

Tôi thấy kiếm được tiền một cách dễ dàng quá nên tự nhiên cảm thấy lòng tung bừng sung sướng. Nhưng tôi còn giả vờ nài nỉ thêm :

— Thế thì thích quá nhỉ, em có tiền em sẽ mua con sáo của thằng Lê, nhưng năm xu thì không đủ ; chị cho em một hào, em sẽ

gắng viết thư cho chị bằng chữ thật tốt. Nào chị đọc cho em viết đi...

Tôi xé trong quyền vở học một tờ giấy rồi yên lặng cầm bút chờ chị Sương đọc. Nhưng chị Sương thì mãi đăm đùm nhìn tờ giấy như muốn tự hỏi phải giải bày những câu gì, ý gì trên mặt giấy mới mong thầy Xuân thấu rõ nỗi lòng.

Tôi tưởng chị không nghe tiếng nên nhắc lại một lần nữa :

— Kìa chị đọc cho em viết !

Chị dửi giọng bảo tôi :

— Nói se sẽ chứ lị.. Bắt đầu em hãy viết : Thưa thầy Xuân... à, hay em viết là... thưa anh Xuân, cho thân mật hơn...

Tôi cẩn cù nắn nót viết ba chữ ấy cho thật tốt, đoạn ngược mắt lên nhìn chị Sương hỏi nữa :

— Gi nữa chị ?

Chị Sương đưa lưỡi liếm môi trên một lát đoạn bǎn khoán trả lời :

— Thế em đặt hộ cho chị có được không?

— Được lắm, nhưng chị muốn nói gì với thầy Xuân ?

Nói xong tôi ngồi thẳng người lên, chống hai khuỷu tay lên bàn miệng ngậm đầu bút,

nhin chị Sương ra dáng một người thạo nghẽ lăm. Còn chị Sương thì như sợ cắp mắt lôi nhin chị, đoán biêt ý muỗn của chị, nên e lệ cúi đầu xuống đáp :

— Em sẽ nói chị gửi lời lên thăm thầy mạnh giỏi, chị mừng. Nếu thầy không kề gì chị quê mùa thì chị hứa sẽ trọn đời theo thầy hầu hạ.

— Chị muỗn tự xưng chị bằng tôi hay bằng em ?

— Bằng gì cũng được.

— Bằng em thi nghe tình tú hơn chữ.

Phải không chị Sương ?

— Ủ thế cũng được.

Chị Sương lảng lặng ngồi xem ngoài viết tôi đi qua lại từng nét một trên mặt giấy : trong người chị hồi ấy ngày thơ như một đứa trẻ. Chị chòng chọc nhìn tôi viết ra vẻ kinh cần lăm. Có lẽ chị đã cho mấy dòng chữ nguệch ngoạc của tôi là những lời nói thăm kín của tâm hồn chị, của bao nhiêu điều ước muỗn mơ màng của chị.

Mọi vật ở trong cảnh yên lặng. Bỗng xa xa đưa lại tiếng coi thét dài của chuyến xe lửa đêm ra Bắc. Chị Sương nghe tiếng ấy ra chiểu sung sướng trầm ngâm như người được

nghe khúc đàn hay. Chị cầm tay tôi bảo
ngưng viết rồi ngọt ngào:

— Nay em Thành ạ. giá nói thêm câu này
như ý chị nghĩ thì hay nhỉ... Nhưng nói như
thế có được không? Chị muốn nói rằng mỗi
khi nghe tiếng còi tàu đằng xa... Nhất là trong
những đêm vắng vẻ, thì thế nào chị cũng nhớ
đến thầy Xuân... Em liệu viết hộ chị thế.

* * *

Thế là bắt đầu từ đó tôi đã trở nên một
viên thư ký bé con của chị Sương rồi. Một
viên thư ký đọc thư tình và thay chị trả lời lại.

Theo trí non nớt nhưng sớm khôn của
tôi hồi ấy, thì cuộc tình duyên hằng thư của
thầy ký ga với cô gái quê càng ngày càng đậm
thắm, mặn mà. Những lời tha thiết chân thật
của thầy Xuân bao giờ cũng khiến cho chị
Sương cảm động và nói ra những câu mộc
mạc nhưng không thiếu gì những tình tứ đẹp
đẽ của một tấm lòng sung sướng vì yêu
đương.

Chị Sương một đôi lần tiếp được lời năn
nỉ của người tình và cũng một đôi lần hẹn hò
cùng thầy Xuân gặp mặt. Nhưng cuộc gặp gỡ
vẫn không ra ngoài « khuôn phép » vì thầy

Xuân là người đứng đắn cũng như chị Sương là người chín chắn; hai bên rắp định chờ đợi hạnh phúc chấn gối cho đến ngày cưới xin hẳn hoi.

Cứ vậy trong gần hai tháng trời những câu nhớ thương, những tiếng tinh tú, với bao nhiêu nỗi vơ vẩn đối với người khác nhưng rất ý vị đối với chị Sương, tôi đều đọc qua và tôi là người chép lại. Tôi vô tình đã làm cái việc của ông tơ chắp nối cho hai người yêu nhau.

Nhưng chỉ có một điều làm tôi vui thích bời bấy giờ: là mỗi lần chị Sương nhờ tôi viết thư là một lần chị để vào tay tôi năm xu:

— Cho em tiền để mua sáo.

Tôi mua một con sáo mà tôi vẫn thích và nói với bác xã Lận ở cùng xóm bán chịu cho tôi một cái lồng son son rất đẹp, tôi sẽ góp trả dần.

Bác xã thuận cho mua, tôi tính trước chừng một tháng nữa, nếu chị Sương nhờ viết thư luôn, tôi sẽ đủ tiền góp hết.

Vì thế mà trong chừng chị Sương lâu không đến là tôi lại nóng lòng mong. Rồi đến mấy tuần cuối tháng sau, thấy trong thư thay Xuân nói đến việc song thân ở Bắc gọi về để

cưới con một cụ Tuần, chị Sương dáng mặt
áu sầu, bão tôi viết thư cho thầy những câu
nghe rất đau thương và ảo não.

Chị Sương không hờn hở như trước nữa.
Mỗi lần chị cầm thư đến lại băn khoăn lo
ngại như đứng trước một tai nạn sắp xảy đến
cho mình.

Tôi tuy ái ngại giùm, nhưng khi tôi viết
thư trả lời xong, chị cho tiền là tôi vui vẻ
ngay.

Con sáo ngàn của tôi cũng như có ý mong
chị đến và mỗi lần thấy bóng chị là kêu
mừng và nhảy nhót rồi rit trong lồng. Con
vật cũng biết rằng sau mỗi lần chị Sương
qua nhà tôi là nó lại được tôi mua cho
nhiều thức ăn và chăm chút nó hơn những
ngày khác.

Nhưng qua tháng sau, đã hai tuần, chị
Sương không đến nhà tôi nữa. Bác xã Lân
thấy tôi không đóng tiền đã hai kỳ nên nhất
định đưa tiền lại và đem cái lồng chim về. Từ
đãy con sáo ngàn của tôi phải chịu ngủ ngoài
trời sương lạnh. Đêm nào trời mưa nó lại rit
lên kêu như than oán căm hờn.

Con chim sao của tôi ngày một rạc đi mà
tôi không biết làm sao được.

Rồi một đêm trăng, chị Sương lại qua nhà tôi giữa lúc chúng tôi đang ngồi học ngoài sân như mấy tháng trước.

Lần này tôi trông người chị Sương ho phờ lạnh lẽo lắm. Chị lần đến bên tôi, rời rạc nói từng tiếng một :

— Thầy Xuân đi ra Hà Nội rồi em Thanh à.

Tôi nghe câu ấy như thấm đầy nước mắt, trong lòng thương cảm một cách thiết tha.

Ngay lúc ấy tiếng còi chuyền xe lửa đêm ra Bắc lại rúc lên lạnh lùng ngoài quãng đồng xa mờ hồ vắng lặng. Chị Sương động lòng nước mắt khóc theo.

Chị Sương chậm nước mắt nhìn tôi thương hại :

— Em cũng buồn cho duyên số chị à ?

— Con sáo ngàn của em chết rồi chị Sương à.

Nói xong tôi lại khóc lớn hơn nữa.

CON ỐNG HOÀNG

Ở chính giữa làng Mỹ-lý và đối diện với
định làng Mày bên kia sông, là cái phủ nguy
nga của ông Hoàng-Thiên-Ý. Ông Hoàng này
oai quyền hống hách một thời xưa. Ông
Hoàng qua đời đã lâu, con cháu ông ta không
có mấy, nên cảnh phủ càng ngày càng tiêu
diều.

Lúc còn nhỏ tôi biết được ông Hậu là
con ông Hoàng và anh Vân là con ông Hậu.
Anh Vân học với tôi một lớp, người xanh
xao và yêu diệu như con gái. Anh ta thường
dẫn tôi về phủ chơi luôn. Ông Hậu năm ấy
đã trên năm mươi tuổi, người lùn, trán
hở, và đầu tóc bạc phơ. Ông tử tế lắm.
Mỗi lần thấy tôi đến chơi ông niềm nở
hỏi han như con cháu trong nhà. Trước sân
phủ có mấy cây ôi lớn nên tôi nhớ lại thăm
anh Vân luôn.

Phủ tuy cao rộng thênh thang nhưng lúc nào cũng tối tăm và ảm đạm. Những cánh cửa trước tiềng đường không mấy khi thấy mở. Bầu không khí ở trong vì vậy trở nên nặng nề khó thở.

Trước kia tôi thấy trong phủ có lǎm vật, cò qui giá và đẹp mắt lắm. Nhất là những chiếc lư hương bằng ngọc hay là những cành hoa bằng bạc chạm. Nhưng bao nhiêu vật báu ấy dần dần biến đi đâu mất. Tôi hỏi anh Văn thì anh lúng túng đỏ cả mặt. Tôi hiểu ý nên không hỏi nữa. Tuy vậy trước sân nhà ông Hậu lúc nào cũng thấy đầy hoa tươi cỏ đẹp. Ông ta phong lưu lắm. Có lúc tôi gặp ông ngồi uống rượu dưới giàn hoa lý hay chép vẫn thơ trên một ngọn lá đào.

Cả ngày ông ta không làm gì hết. Ông ta chỉ đi tủa hoa hay vác cần ra ngồi câu bên bờ sông Ha-nội. Tôi nghe ông ta có ăn lương tháng nhưng không biết bao nhiêu.

Thỉnh thoảng tôi có gặp ông ta đi chơi trong các lối xóm. Ông đi đứng ra chiều nhàn hạ lắm. Đi ra ngoài thì ông ta thường mặc áo gấm, bịt khăn điều, và cầm gậy tre bịt bạc. Nhưng ở nhà thì ông ta mặc giản

dị hơn. Một hôm tôi đã thấy trên áo ông ta có chữ thêu. Tôi tưởng là áo gấm nhưng nhìn kỹ tôi mới biết đó là bức trường thêu thường treo giữa nhà.

Anh Văn thì lúc nào cũng thấy mặc cái áo đen dai bạc màu. Một hôm tôi đến gọi anh đi học thì thấy anh ta đang ngồi vá áo. Ông Hậu thấy tôi vào thì giả vờ mắng anh Văn :

— Thật tánh thằng con lợ quá, áo quần đẽ đầy rương mà không đem ra mặc cứ bo bo giữ lấy cái áo đen đã cũ nát.

Anh Văn đứng dậy rũ áo không vá nữa. Anh nhìn tôi mỉm cười nhưng tôi thấy hai má anh đỏ gắt.

Lúc sắp đi học, ông Hậu liền gọi anh Văn đến gần nói lớn :

— Chiều đi học về con nhớ ghé lại nhà ông Huyện Phong mời ông ta đến đánh cờ với chủ nhé.

Anh Văn cúi đầu dạ rồi cùng tôi đi đến trường.

Nhưng lúc bấy giờ tôi cũng không thấy anh Văn ghé lại nhà ông Huyện. Và lúc tôi với anh về Phủ, tôi cũng không nghe ông Hậu nói gì hết.

Cảnh Phủ càng ngàv càng tiêu điểu, còn
phía trong thì càng thấy rộng thêm mãi. Bát
lư hương sành đến thế bát lư hương ngọc,
và cách vài tháng sau tôi chỉ còn thấy bát
lư hương gỗ. Bao nhiêu cột trong Phủ đã
thấy trống tròn và cũ nát, vì chung quanh
thân cột không có vật gì bám vào đẽ bẹn
mắt nữa.

Qua năm sau lên lớp nhất, Văn thường
vắng mặt lăm giờ sứ ký. Thầy trách anh Văn
biếng học nhưng tôi thì hiểu anh ta lầm.
Anh ta không có tiền mua quyển sách sứ ký.

Một buổi trưa chủ nhật đến nhà anh Văn
chơi, tôi thấy ông Hậu đang sai đứa ở đi bắt
gà. Tôi cũng cõi áo đi theo anh Văn chặn bắt
mấy con gà ấy. Sau hai giờ chạy quanh vườn,
chui qua bụi, chúng tôi mới dốt được bốn
con gà trống tia vào trong lồng. Hòm ấy tôi
ở lại chơi với anh Văn gần tối mới về.

Tôi ngạc nhiên hết sức lúc thấy bốn con
gà trống tia của ông Hậu lại ở trong chuồng
gà nhà tôi. Tôi hỏi thì mẹ tôi bảo gà của ông
Hậu đem lại biếu. Tôi đang phân vân chưa
hiểu thì mẹ tôi mỉm cười nói tiếp :

— Rồi nhà mình biếu lại ông ta một
thúng gạo.

Tôi thấy cảnh nhà anh Văn túng thiếu nên thương hại vô cùng. Nhưng ông Hậu lúc nào cũng thấy nhàn hạ và say sưa trọn ngày. Ông thường cười nói vang nhà hay hát những câu « Tầu Mã » đã quên lửng đi nhiều đoạn.

Dầu ông Hậu đã hết lòng giấu kín, nhưng sự túng bẩn ở nhà ông đã dần dần lộ ra ngoài. Người ta biết ông Hậu sở dĩ muốn tưới tinh là để giữ thể diện.

Có lúc ông Hậu đã hào hiệp đến quên cả mình.

Người lính hầu cận của ông Hoàng ngày xưa một hôm đến thăm ông Hậu và đem đến biếu một cân mứt và hai lượng trà. Ông Hậu nhất định từ chối, không chịu lấy, người lính không nản chí kêu nài mãi :

— Nhờ ơn đức ông xưa con mới lên làm được phó quảng. ơn ấy con xem như trời như biển. Nếu ngài không nhận chút lè mọn này thì con không bao giờ dám đến thăm ngài nữa.

Đè người ta ép nài quá nghe cũng chướng, ông Hậu dịu lời đáp :

— Hay tính thế này thì hơn. Anh đã có lòng cho tôi xin nhận và xin hết lòng cảm ơn anh. Nhưng anh phải nhận lại vật này để

cho mấy cháu nhà anh mới được.

Nói xong ông Hậu móc túi lấy ra hai đồng đưa cho người lính. Biết từ chối cũng không được, viên phó quảng đánh cùi đầu đưa hai tay nhận lấy.

Bắt đầu từ hôm ấy mỗi lần đến phủ chơi, tôi đều thấy ông Hậu ngồi nhâm mứt với nước trà. Theo anh Vân thì đó là buổi cơm hàng ngày của nhà anh, vì số tiền cuối cùng ông Hậu đã đưa cho viên phó quảng hết.

Nhưng ông Hậu vẫn không thôi cho người ngoài biết nhà ông vẫn còn sung túc.

Lê hàng năm cứ đến gần Tết là ông Hậu bỏ nhà đi đâu hơn vài tuần.

Chính anh Vân cũng không biết ông ta đi đâu. Có người nói ông ta đi thăm rè và con gái ở Qui-nhon. Người khác lại nói ông ta lên tỉnh đè sắm đồ Tết.

Mấy ngày trước Tết năm ấy tôi được đi với mẹ tôi lên tỉnh. Tỉnh thành xa làng Mỹ-lý hơn ba mươi cây số và phải đi qua năm sáu chuyến đò. Ba bốn năm tôi mới được đi một lần.

Ngày ấy cảnh tỉnh thành đối với tôi tươi sáng quá. Tôi đi xem ngót nửa ngày mà không thấy mỏi chân.

Trước thèm một căn phố bán giấy hoa,
tôi bỗng chú ý đến một cụ già đang ngồi viết
chữ thuê. Một bọn trẻ đứng vây chung quanh
nhìn ông ta viết một cách lơ đãng. Chữ ông
ta viết đẹp lắm tuy lúc viết bàn tay hơi run
run. Viết xong ông ta lại ngồi nhìn mấy câu
liên hay lấy ít viên sạn chặn lên trên.

Tôi bỗng giật mình lúc thấy ông ta đứng
dậy uốn lưng cho đỡ mỏi. Tôi vội vàng đi
thật nhanh vì sợ ông ta lại nhận thấy được
tôi. Vì ông ấy là ông Hậu...

QUÊ BẠN

*Hết mùa tốt rá rom khô
Bạn về quê bạn biết mô mà tìm.*

(CA DAO)

Ở vùng quê, một đêm trăng. Gió thổi
đều đều qua ngọn cây và lay nhẹ những láu
lá xám. Trăng sáng, và trời không mây.

Hương ngồi nấu chè trong bếp, lắng tai
nghe những câu hò tình tứ của Mẫn ở ngoài
sân. Hương lùa một nắm rơm khô vào bếp
rồi đưa chiếc que gạt tro tàn ra, làm đều đặn
như cái máy.

Hơn ba hôm nay giọng hò của Mẫn đã
quyến luyến Hương và làm lòng Hương xao
xuyến. Hương tự nhiên thấy buồn buồn khó tả.

Mỗi lần giọng hò của Mẫn ngân lên
không, như tiếng chuông rèn, hay tản mác
rã xa như dòng hương cuộn. Hương lại thầm
thức và có cái cảm giác hơi lạ: là chừng đã
sống với Mẫn đâu từ kiếp xa xưa.

Ban đầu Hương mê giọng hò của Mẫn
nhưng sau Hương cũng không biết Hương đã

mê chính người con trai ấy hay chỉ mê riêng giọng hò. Hương cố phân biệt để xem nhưng mỗi lần nghĩ đến Mẫn, Hương lại thèn thẹn và không dám nghĩ lâu.

Hương là con gái đầu của ông Cả Lai, một điền chủ giàu nhất ở làng Mỹ-lý. Lúc còn nhỏ Hương học đến lớp ba, nhưng qua năm sau mẹ mất, Hương phải xin thôi học. Từ đó Hương lại giúp cha trong nghề làm ruộng. Ông Cả càng ngày càng già, nên bao nhiêu việc ruộng nương đều do tay Hương cai quản.

Hương người đều đặn nở nang, khuôn mặt tròn và cặp mắt lúc nào cũng mở lớn như ngạc nhiên. Hương lại còn có cái đặc điểm là vui tính và hiền lành. Hương ít giận ai và cũng không làm ai mất lòng. Cũng nhờ tính vô tàm, nên đã ngoài hai mươi tuổi mà Hương vẫn giữ được sự mềm mỏng và nét dịu dàng của tuổi ngày thơ.

* * *

Năm ấy ông Cả Lai xem lịch thấy thời tiết khá nên mời trai bạn ở các làng đến làm bón ba mươi mẫu ruộng.

Trai ban là bọn trai tráng ở các làng chung quanh vùng, có khi xa, xa lắm. Họ ở những nơi đất kém ruộng khô, hay những vùng

vắng lụt lội. Họ kéo nhau đi từng đoàn trên bai mươi người, đó là những nơi nào cần đến công việc của họ.

Họ là người bốn phương, nhưng họ gặp và hiều nhau trong một cảnh ngộ. Họ sống với nhau trong những ngày cầy cấy, gặt hái, rồi lại tản mác ra như những mảnh mây ngàn.

Xa nhau họ còn nuôi hy vọng sang năm gặp nữa. Nhưng sang năm gặp nhau là một chuyện khó. Vì quê hương của họ cách nhau xa lắm. Và trước kia họ gặp nhau trong cảnh đồng hoang bay trong quán vắng, chứ có ai biết nhà ai đâu. Vì thế mỗi lần hẹn sang năm gặp nhau thì lòng họ đã đón trước những nỗi buồn vĩnh biệt.

Nhưng không gặp đoàn này thì họ gặp bọn người khác. Vì hàng năm cảnh làm ăn đã kéo họ ra khỏi nhà và bắt họ di tha phương. Đời họ mỗi năm mỗi khác như rừng cây mỗi năm có một lần lá mới.



Mẫn ở làng Lộ-giang, huyện Bình-hải cách làng Mỹ-lý hơn bốn ngày đường. Mẫn xưa kia có theo học chữ nho nhưng lỡ thời. Ban đầu Mẫn định mở trường dạy học trong làng nhưng thấy chữ nho không ai dùng nữa

nên nhập với bọn trai bạn đi làm ăn. Mẫn đi xa làng lần đầu và cũng lần đầu Mẫn nếm qua cái đời trai bạn.

Mấy hôm theo chúng bạn ra đồng gặt lúa hay về nhà xây đón rơm, Mẫn thấy lòng vui vẻ và ăn cơm ngon miệng. Cũng có khi giữa buổi làm việc, Mẫn tự nhiên thấy nhoc là người và hai bên thái dương lùng bùng như bị cảm gió. Mẫn lại ngồi trên bờ ruộng để tìm nước uống.

Mùi lúa chín và hơi gió nhẹ dần dần làm Mẫn khoan khoái và tinh táo như trước. Mẫn lại cất giọng hò lạnh lạnh hay vui miệng nói dừa để chọc cho người chung quanh bật cười. Mẫn đi đến đâu là trận cười đi theo đến đó.

Hương lầm lúc muôn làm mặt nghiêm nhưng cũng khó nhịn cười trước lầm câu khôi hài ý vị của Mẫn. Nhờ tài khéo pha trò, Mẫn đã dần dần quen thân với cô con gái nhà chủ. Những lối hài hước của Mẫn làm Hương cười thì giọng hò của Mẫn lại làm Hương buồn thẳm thia.

Một thứ cảm tình đậm đàm gây nên từ đó. Hương mỗi ngày mỗi qui mến Mẫn hơn lên.

Đêm ấy trời có trăng. Mẫn cho trâu đạp lúa ngoài sân với trai bạn. Giờ càng khuya giọng hò của Mẫn nghe càng thảm trầm bi thiết. Hương nấu chè xong sai dưa ở mức vào chén rồi đem ra sân. Giữa sân đã có ba chiếc chõng tre trải chiếu sạch sẽ. Hương đứng nhìn mấy mâm chè đã để hàn hơi trên chiếu giữa sân nói lớn :

— Thôi mời anh em nghỉ tay vào ăn chè.

Mẫn tự nhiên ngừng bắt giọng hát, hỏi :

— Cô Hương nấu chè gì đấy ?

Hương mỉm cười khôi hài :

— Chè dễ ăn.

Mẫn nói tiếp :

— Chẳng lẽ nấu chè lại để uống à ?

Hương đưa cánh tay che miệng cười :

— Ô hay ! anh Mẫn quên rồi à ! Nấu nước chè tàu chẳng để uống thì để làm gì ?

Một người bạn đứng远远 xa tinh nghịch :

— Để uống trong tiệc cưới đấy !

Hương bén lên nhìn xuống đất, Mẫn nói chừa ngượng :

— Thôi ăn với uống cũng như nhau, miễn no bụng là được.

Nhưng Hương vẫn chưa chịu thua :

— Uống thì no bụng thế nào được. Ăn mới no thôi chứ.

Nói xong thì Hương cười nức nở. Mẫn cũng cười theo. Một người khác biếng cười nên lặng lẽ đến bên mấy mâm chè khói bay lên thơm phức. Họ đua nhau ăn ðat và vui vẻ.

Trời càng khuynh trăng càng tỏ. Tiếng nói qua lại dịu dần cho đến lúc câu chuyện thành nhạt nhẽo vô duyên thì ai nấy đều im tiếng. Cảnh vật của trời đêm lặng lẽ bao vây giấc ngủ say sưa của của mọi người.

* * *

Hôm sau trên dòng sông Viêm hơn mười chiếc thuyền chở đầy lúa trôi nhanh về làng Mỹ-lý. Trên mỗi thuyền có năm người chèo. Họ đặt ra cuộc đua tài, thách nhau thuyền nào về trước thì được giải. Giải đơn sơ lắm : chỉ có một chai rượu trắng và hai con mực khô. Những trai bạn cũng vui lòng đua ; họ cốt lấy tiếng. Nhất là hôm ấy có Hương đi theo nên họ không muốn mất giá trị trước một cô chủ trẻ tuổi.

Người cố gắng sức hơn hết là Mẫn. Mẫn đứng cầm lái và không dám đè lời một má chèo. Dòng sông hẹp, mười chiếc thuyền cứ

đuỗi nhau, chạm vào nhau thành những tiếng mạnh và ngắn.

Họ vừa chèo vừa hát làm vang động cả một dòng sông. Hai bên bờ sông người lang ra đứng xem đồng nghiệp và trong số đó một bọn người lớn tiếng hát theo dề phẩn khởi bọn trai tráng dưới thuyền.

Thuyền của Mẫn chiều hôm ấy giặt giải nhất. Hương vui vẻ đến đứng bên Mẫn rồi ấp úng nói sẽ :

— Anh được giải, thật em bằng lòng anh lắm.

Mẫn tươi cười :

— Cô bằng lòng tôi thật à ?

Hương biết mình nói hớ nên hai má đỏ bừng. Một lát sau Hương cúi đầu thì thầm :

— Thôi anh vào ăn cơm chẳng đợi.

Mẫn có ý khoe khoang. Anh chàng kiêu bảnh một cách ngày thơ và nói một câu rất mộc mạc :

— Tôi còn đi ăn giải đã chứ.

Hương nhìn Mẫn có vẻ không hiểu. Mẫn nói tiếp :

— Nghĩa là tôi ăn con mực và uống chai rượu người ta thưởng cho ấy mà.

Hương làm bộ nũng nịu :

— Em không bằng lòng anh uống rượu đâu.

Mẫn hép mắt lại cười :

— Thế sao hồi nãy cô bảo cô bằng lòng tôi !

Những lời trao qua đổi lại toàn là những câu khôi hài nhạt nhẽo nhưng lòng Hương thì tung bừng như ánh trời buổi sáng. Hương sung sướng được Mẫn đe ý đến mình và xem mình như bạn thiết. Hương không e lệ nữa, cô đã can đảm nói một câu mà tưởng không bao giờ cô dám nói ra.

— Em bằng lòng anh thật, nhưng anh uống rượu thì không.

Mẫn làm ra vẻ hung hăng một cách khôi hài :

— Không bằng lòng mà được à, tôi thì cứ ...

Hương ngược mắt nhìn Mẫn :

— Tôi làm gì ?

— Tôi không uống rượu nữa.

Hai người nhìn nhau cười chumm chím, trong lòng nao nức vui.

* * *

Qua tháng sau rơm đã thành đòn, lúa đã nắm yên trong vựa, và trai bạn sau một bữa

cơm ngọt lành do ông Cả thết đãi, đã từ giã làng Mỹ-lý ra đi.

Ban đầu họ nối chân nhau đi thành một đoàn dài, nhưng qua mỗi lang, lại có một đòn người rẽ đường đi về quê hương của họ.

Hôm thấy trai bạn cất hái lên vai sắp đi, Hương chạy ra sau bụi chuối đứng khóc. Mẫn đứng sau đồng rơm thấy Hương khóc cũng tấm tức khóc theo.

... Và từ đấy dòng sông Viêm phẳng lặng, đồng làng Mỹ-lý vắng teo, trai bạn di, lòng Hương bơ phờ như cành vườn hoang chờ gió lụa.

MỘT LÀNG CHẾT

Tâm đi giữa hai hàng tre cao vút và dẫm
chân lên bông mìn đang in dài trước mặt.
Tâm thấy hay hay và vui chân dẫm lên mãi.
Tâm thấy đi cách ấy thì quên đường xa và
ngỡ mình đang nện gót nhịp nhàng theo tiếng
kèn binh tưởng tượng. Thỉnh thoảng Tâm lại
đổi chiếc va-li sang tay cho đỡ mỏi.

Thấy đường đi bằng bùn khô mặt láng và
tron, Tâm muốn tuột đôi giày đè đi chân
trần cho mát. Nhưng tưởng cứ chỉ ấy sẽ làm
người qua đường bất cười, nên Tâm không
nghĩ đến nữa. Nhưng mỗi lần thấy vài người
vùng quê đi chân không trên mặt đường mát
rươi, Tâm lại thèm thèm như được tròng
ai ăn quả chua.

Được mấy ngày nghỉ, Tâm định về quê
thăm thầy mẹ. Nhưng chuyến xe hơi Tâm đi
lại chết máy ngay giữa quãng đồng Hoa-lai.
Tâm còn cho xe vượt thêm mười cây số nữa

mới đến làng Mỹ-lý. Các hành khách khác đều tìm bóng cây để nấp nắng và chờ họ chữa máy xe. Nhưng Tâm không hy vọng gì về sự chữa chạy ấy. Tâm nhận thấy máy xe hỏng nặng lắm và chữa nhanh nhất cũng đến chiều tối mới xong.

Tâm trả tiền xe lấy cớ đi thăm người bà con ở gần đấy. Kỳ thật Tâm muốn qua thăm làng Đồng-yên, một làng vừa rộng lớn vừa phồn thịnh nhất ở vùng ấy.

Năm lên tám tuổi, Tâm đã đến ở trong làng này hai năm lúc bà ngoại của Tâm còn sống và có mấy sở nhà ngói cho thuê ngay trước chợ. Cách tám năm tiếp, Tâm chưa tìm ra được dịp nào để trở về thăm quê ngoại. Một phần tại bà của Tâm đã qua đời, phần khác nhà cửa của bà Tâm ở Đồng-yên đều bán cho người ta hết.

Nhưng lòng Tâm thi ao ước trở về quê ngoại mãi. Vì ở đấy Tâm được một bà ngoại hiền từ nâng niu và đã thấy những cảnh nao-nhiệt tung bừng mà chính làng Tâm không có. Tâm còn nhớ rõ ràng cái rap hát bộ thênh thang dựng trên bờ sông và mấy cái quán ngồi huênh hoang che hai mặt chợ. Cứ đến tối, tiếng trống chầu lại nồi lên tản mác vọng ra

xa nghe như sóng dội. Một vài tiệm khách đã chưng đèn măng-xông, ánh sáng tỏa ra tươi và dịu. Đèn ấy đã quyến được nhiều con thiêu thân cũng như đã kéo lại lăm người vùng quê tò mò hay ngơ ngác. Tôi nào Tâm cũng đến xem có khi khuya quá bà ngoại Tâm đến kêu mời chịu về.

Mỗi lần nhớ đến quãng đời thơ ấu ấy, Tâm lại cúi đầu mỉm cười, hai má đỏ lên và thèm lamen.

Hôm nay tình cờ Tâm lại nǎm được dịp về làng Đồng-yên mà Tâm chắc là sầm uất hơn trước nhiều. Tâm định ở lại trong làng vài giờ để thăm vài nhà quen và luôn đường lên ga gần đấy đợi chuyến tàu về Mỹ-lý.

Trời sắp đứng trưa, bóng của Tâm in trên đường đi đã ngắn dần. Qua khỏi miếu Thần Đá làng Triệu, Tâm liền rẽ về con đường mòn tăm tắp chạy dọc theo bờ sông Vực.

Từ đó Tâm không dãm chân lên bóng mình nữa. Vì chính cái bóng của Tâm cũng đã bồ chênh về một bên. Tâm vừa đi vừa nhìn vơ vẩn mấy túp lều tranh bên kia sông hay dõi theo dáng điệu uyển chuyển của mấy cô gánh gạo ở chợ xa về.

Vừa cầm tay, Tâm ngắt một đoá hoa lài vươn ra ngoài bụi hép. Nhưng đi một quãng xa, Tâm lại vui tay gặm trên đầu một chiếc gai tre.

Quà một giờ trưa. Tâm mới về đến làng Đồng-vân. Qua khỏi cổng làng, Tâm giật mình đứng dừng lại. Tâm hơi ngạc nhiên và không tin ở cặp mắt mình. Mấy hàng tre bao quanh đình không còn vẻ tươi tốt của thời xưa nữa. Chính cái đình cũng bị hư nát và sập đi một mái. Tâm chắc lưỡi thở dài băn khoăn như người thấy chính nhà mình bị hại. Đường đi hê hùng nhiều đoạn và không rộng rãi như trước. Cỏ đã lan ra chiếm cả mặt đường. Và xa xa Tâm thấy mấy cụm nhà đèn ngòm lèn dưới mấy hàng cây rậm lá. Phía ấy trước kia là chợ, nơi ấy tấp nập nhất ở làng. Tâm lặng lẽ cất bước về phía ấy, lòng hồi hộp như sợ những cảnh diệu tàn sắp phơi ra trước mắt. Tâm mong gặp một người qua đường để hỏi chuyện. Nhưng Tâm đã lạc vào cảnh không người và chính người Tâm lại như người ma hiện về trong gió chêt. Thỉnh thoảng sau đình lại đưa vội ra vài tiếng cù như cắt đứt bầu trời yên lặng ra nhiều quãng. Tâm cảm thấy lòng mình như nặng

triều. Trời đất có vẻ u ám và nắng vàng như đọng lại trên tàn cây.

Tâm đi chậm rãi ngửa mặt đón gió mát cho lòng đỡ nặng. Nhưng không may, Tâm chỉ đón thêm những nỗi buồn. Càng về phía chợ, Tâm càng thấy lòng u uất. Phố sá hai bên đường đều bù sập, đen điu và đầy bụi bặm. Không khí ở đây nặng nề quá gần như không thở nổi. Cái đình chợ đã biến thành một đống vôi gạch đầy rêu cao ụ sụ. Cái rạp hát bằng tranh sập khum khum giữa vườn chuối héo, xa trông như một cụ già gắng bò ra bờ sông uống nước, nhưng không bao giờ dậy nổi. Gió như đứng lại, nước không trôi và vẻ sống chung quanh đã từ lâu ngừng trệ. Nỗi buồn cứ nhẹ nhẹ đi sâu vào lòng Tâm.

Trước cảnh hoang phế, Tâm muốn quên hẳn những cảnh tươi xưa và không dám đem ra so sánh. Nhưng trí Tâm cứ vẫn vơ nghẽi đến mãi

Mặt trời đã cạn dần ánh sáng. Tiếng động bắt đầu rì rầm trên quãng mây xa. Vòm trời hạ thấp xuống và không khi dày đặc thêm lên.

Cảnh chung quanh đã đèn tối sẵn lại

nặng nề u uất hơn. Tâm lững thững đi lên phía ga đè đợi chuyến tàu chiều. Mới rẽ qua con đường cái, Tâm liền gặp ngay một cụ già từ xóm nứa chống gậy đi ra. Tâm mừng rõ tiến lại đứng bên cạnh chào hỏi :

— Thưa cụ, có biết tại sao làng Đồng-yên lại tiêu điều đến thế không ?

Cụ già ngẩng mặt nhìn Tâm có vẻ kinh ngạc rồi dịu giọng đáp :

— Vì phần nhiều người làng Đồng-yên là dân đến ở ngũ. Cách đây hai năm, đậu trời tràn ra khắp làng và giết hại không biết bao nhiêu nhân mạng. Họ lần lượt kéo nhau đi ở nơi khác nhất là về mạn Thường-sơn.

Cụ già nhìn lên trời rồi với giọng ái ngại nói tiếp :

— Trời sắp mưa rồi đấy, ông đi nhanh chẳng ướt.

Tâm chào cụ già rồi gấp bước đi lên ga Đồng-yên. Tuy bước nhanh, Tâm vẫn cảm thấy nặng cả lòng và như có sức mạnh gì cản lại. Đã biết không có mồ hôi trên trán, Tâm vẫn đưa chiếc khăn tay lên lau. Những ý nghĩ lờ mờ không đâu cứ lần lượt hiện lên rồi tự xoá nhoà trong trí Tâm. Một luồng gió mát từ phía ruộng đưa lên sức că

mùi hoa dại. Tâm ướn ngực bit dài và thấy tâm bồn như hót nặng.

Trên con đường dốc lên ga, Tâm đạp đứa trên những ngọn lá bàng khô nghe rộp. Tâm nghĩ ngờ như tiếng vỡ của chính lòng Tâm.

Mới đến trước sân ga, Tâm đã rùng mình đứng lại. Nhà ga chừng đã bỏ phế từ lâu và mấy buồng giấy cổ mọc lên um tùm như bụi rậm. Chung quanh ga, mấy nền nhà cũ lộ hẳn lên như bàn cờ giữa vùng cỏ may thấp ngọn. Trời bắt đầu mưa, giọt rơi đều và nhẹ. Tâm diu mày lại và cảm thấy ướt trên hàng mi.

Như bắt được hơi mưa, một bầy kiến cánh tự trong nhà ga là đã bay ra sân. Nhưng chỉ được một quãng, nước mưa đã thấm ướt cánh và đàn kiến thất vọng rơi nhào xuống đất.

Dưới hiên ga hoang vắng, Tâm ngao ngán nhìn về lang Đồng-yên qua màn mưa chiều rì rả.

TÌNH
QUÊ HƯƠNG

Thuyên, Đồng là hai người bạn thân cùng ở một làng : làng Mỹ-lý. Sau ba tháng vào tìm việc ở Nam-kỳ, hai người mới tìm được hai việc làm tạm ở ga Gò-den. Ga này ở giữa con đường Sài-gòn — Mỹ-tho, một nơi được tiếng giàu nhất về ruộng lúa. Khách qua lại toàn là những dân quê ở hai vùng Thanh-trưu và Bá-chàn. Công việc của Thuyên, Đồng cũng không đến nỗi vất vả lắm. Lúc còn là hai tên thợ nghiệp lang thang đi tìm việc khắp Sài-gòn thì hai người ít khi nhớ đến quê hương. Nhưng lúc tìm ra việc thì tình quê hương lại dát dào luôn trong tâm trí.

Những buổi nghỉ việc, hai người lại lững thững nắm tay nhau, đi trên con đường về làng Vạn-thọ. Vì con đường này giống với con đường chính của làng Mỹ-lý quá. Cũng hai hàng cây Sầu-đông chạy thẳng giữa quãng đồng lúa chín, cũng cái miếu thánh xa xa và

mấy đống rơm cao chót vót sau bụi tre già cuối xóm.

Đi trên quãng đường này, Thuyên, Đồng có cái cảm giác là sắp về nhà mình. Nhưng mỗi lúc qua khỏi cái cầu dài, hai người lại đứng nhì nhau ngạc ngần. Vì trước mặt hai người, quang cảnh chung quanh đã đổi hẳn. Những cây dừa vuơn mình trên dòng nước đục, hay vài cô gái miền Nam bơi thuyền giữa đám lau già, không cho hai người tưởng tượng đến làng Mỹ-lý nữa.

Thuyên vòng tay nhìn mông ra xa rồi lầm bầm :

— Ủ ưồng thật. giá đến đây không gặp con sông này thì chúng mình đã tưởng về xóm Thạch-luỹ rồi.

Đồng đưa tay chỉ một nếp nhà ngồi bên vệ đường rồi nói tiếp :

— Còn cái nhà xinh xắn kia là biệt thự của cô Ái-Thu làng mình.

Thuyên nhìn Đồng mỉm cười :

— Nhớ rõ ràng nhỉ, nhưng đất Nam-kỳ bốn mùa nắng gắt, có mùa thu đâu mà hảo có cô Ái-Thu.

Trên phiến đá trắng bên vệ đường, hai người lại lảng lặng quàng vai nhau ngồi

xuống. Trời càng về chiều, gió càng lạnh. Hai người dần dần ngồi khít gần lại để truyền hơi ấm cho nhau.

Bóng tối từ từ lan rộng ra trên quãng đồng lúa chín, ở về phía ga vài ngọn đèn dầu đã bắt đầu lấp láng sau mấy hàng cây đèn sâm.

Như muốn tự dối, Thuyên vui vẻ bảo Đồng:

— Đồng ơi! Chúng ta hãy đi về ga Mỹ-lý nhanh đi chẳng tối rồi.

Không hề ló vẻ ngạc nhiên, Đồng cất tiếng đáp:

— Ủ chúng ta về ga Mỹ-lý.

Rồi như mọi chiều, Thuyên, Đồng lại vừa đi vừa hát huyên thuyên, đầu bài hát này nối đuôi bài khác...

* * *

Một hôm Thuyên, Đồng rủ nhau đi chơi thật xa, nhưng đến giữa trưa thì lạc mất đường về. Hai người phải ghé vào cái quán gần đấy để hỏi đường, luôn tiện để ăn cho đỡ đói. Cùng ăn trong quán ấy, có ba người nhà quê trẻ tuổi đứa bốn với nhau luôn miệng. Nữ cười từ mội này lan qua mội khác,

bầu không khí trong quán không bao lâu, trở nên vui vẻ lạ thường. Lúc sắp trả tiền, Thuyên mới nhớ mình quên đề ví ở bàn, Thuyên hăm hê Đồng hỏi sẽ :

- Đồng có đem tiền theo đấy không ?
 - Không. Thế Thuyên cũng không có à ?
- Thuyên lắc đầu ra vẻ lo ngại :

-- Thuyên bỏ nhầm quyền số con vào túi, còn cái ví thì đề quên ở trong ngăn bàn.

Hai người đang nhìn xuống mặt bàn để tìm kẽ « tháo thân » thì bên kia bàn, người nhả quẽ trẻ tuổi nhất, đứng dậy nói với chủ quán :

— Hai thầy ngồi bên kia bàn là hai bạn thân của chúng tôi; vậy ông cứ tinh chung, đề tôi trả tiền luôn thè.

Thuyên nghe nói cảm động quá, đứng dậy nhìn người trẻ tuổi một lát rồi ấp úng nói :

— Thật chúng tôi không biết nói gì đây để cảm ơn mấy ngài....

Không đề cho Thuyên nói dứt lời, người trẻ tuổi nói tiếp :

— Đáng lẽ tôi phải cảm ơn hai thầy trước mới phải. Vì hai thầy đã cho tôi nghe giọng nói của mẹ tôi xưa....

Rồi bà giọng, người ấy thì thầm như hơi thở :

— ... Vì mẹ tôi là người Trung-kỳ, và đã qua đời hơn tám năm rồi.

Nói đến đây, người trẻ tuổi lặng lẽ nhìn xuống bàn, hai môi mím chặt ra vẻ đau thương lắm. Còn Thuyên, Đồng thì bùi ngùi nhớ đến quê hương, yên lặng nhìn nhau với hai cặp mắt rơm lệ.

* * *

Ngày ba mươi Tết năm ấy, Thuyên, Đồng nhất định không đi ăn cơm quán như mọi ngày. Hai người định mời bà Hai, người ở gần đây, đến nấu cơm trong ga, để cúng luôn thề. Hai người cũng không biết cúng ai, nhưng thấy người ta đua nhau cúng, cũng muốn cúng cho vui.

Bàn bạc xong xuôi, Đồng đáp tàu lên Chợ-lớn mua các thức ăn trong tiệm khách. Còn Thuyên ở nhà sắp đặt lại ghế bàn để khuya cúng lễ giao thừa.

Lúc Đồng về thì trời đã gần tối. Thuyên tự thân hành qua bên nhà bà Hai để mời bà ấy qua, nhưng rủi bà ấy đã về ăn Tết ở Biên-hoà từ sáng sớm. Thuyên lùi thủi đi về kè

lại cho Đồng nghe. Hai người chỉ nhìn nhau cười, nhưng trong có vẻ băn khoăn lầm. Ngay lúc ấy, bên kia căn ga có mấy người hành khách đang ngồi nói chuyện với nhau rất vui vẻ.

— Thuyên mở cửa sổ bán vé tàu, chui đầu sang bên kia rồi nói lớn :

— Hôm nay không có chuyến tàu bảy giờ. Đến hai giờ sáng mới có chuyến tàu bắt thường ra Bắc.

Vài ba người nghe nói thất vọng quay gánh ra về. Thấy trong bóng tối lờ mờ còn vài người ngồi, Thuyên dìu lời nói tiếp :

— Các ngài không ở nhà ăn Tết à? Đi đâu mà sớm thế?

Một tràng tiếng trong trẻo đáp lại :

— Chúng tôi về ăn Tết.

Nhận được tiếng nói Trung-kỳ, hai người mừng rõ lắm. Đồng đứng sau Thuyên lên tiếng hỏi với :

— Về ăn Tết sao mà chậm thế?

Sau một dịp cười thảng thắn, tiếng nói ấy lại ngọt ngào reo lên như trước :

— Chậm còn hơn không, hai thầy ạ.

Thuyên thuở đầu vào nhìn Đồng mỉm cười.

Đồng kề miệng bên tai Thuyên nói khẽ :

Chắc cô này biết chúng mình.

Thuyên lấy Đồng xách cây đèn treo rồi
hai người cùng qua bên kia căn ga.

Trên chiếc ghế dài kê khít tường, một
thiếu nữ mặc theo kiều Huế, đang ngồi giữa
một giỏ cam, và hai chai rượu.

Thầy Thuyên, Đồng đi qua, thiếu nữ
nhoèn miệng cười hỏi sê :

— Thế hai thầy định ăn Tết ở đây à ?

Thuyên xoa tay, đáp :

— Có lẽ ở đâu chúng tôi cũng không ăn
Tết được.

Thiếu nữ trồ mắt nhìn Thuyên ra ý hỏi.

Thuyên mỉm cười nói tiếp :

— Vì một lẽ rất giản dị là đồ ăn mua về
không có ai nấu.

Thiếu nữ đưa tay che miệng cười ngặt
ngẽo.

Mấy chai rượu để trên ghế được dịp chạm
với nhau nghe rất vui tai.

Cười xong thiếu nữ vuốt lại mấy sợi tóc
bay lòa xoà trước trán, hỏi tiếp :

— Thế người nấu ăn của hai thầy đi đâu ?

Đồng bấm Thuyên đi lui rồi chen tới
trước đáp :

— Người ấy không đi đâu hết. Nhưng

chúng tôi cũng không ăn Tết được.

Không để cho thiếu nữ ngạc nhiên, Đồng nói tiếp :

— Vì sự thật chúng tôi không có người ấy.

Nghĩ một lát, Đồng ngập ngừng nói sẽ :

— Vì vậy, nếu không làm phiền cô, vì chúng tôi biết làm thế này là phiền cô lắm, nhưng ...

Thuyên ngắt lời nói thật nhanh :

— Chúng tôi muốn nhờ cô ...

Nhưng nói đến đây, Thuyên đã ú ớ tìm không ra chữ. Thiếu nữ Huế tươi cười nói tiếp :

— Nhờ em nấu hộ cho hai thầy phải không. Nhưng tiếc, em chỉ biết nấu thức ăn theo cách ở Trung-kỳ thôi.

Thuyên mừng rỡ :

— Có thức ăn Trung-kỳ để ăn ... Tết, thật chúng tôi không muốn gì hơn nữa.

* * *

Nói là cúng chơi, nhưng lúc khói trầm toả lên khắp nhà và mẩy ngọn đèn nến chập chờn trong bóng tối, Thuyên, Đồng cũng cảm thấy sự đầm ấm thiêng liêng của những ngày

cùng kỵ. Thuyên kính cần rót thêm một tuần rượu vào ly rồi nói :

— Không biết lẽ vật này mình cũng cho ai nhỉ ?

Thiếu nữ Huế vòng tay nhìn Thuyên đáp :

— Cho những linh hồn tha hương chứ gì
Thuyên cười nói :

— Ô bay, nếu vậy chúng mình lại tự
cùng cho chúng mình rồi à ?

Thiếu nữ ra vẻ sợ sệt nói sẽ :

— Chỉ nói dại.

Sực nhớ đến những nén hương không
có trên bàn thờ, Thuyên hỏi Đồng :

— Đồng có mua hương đến không ?

Đồng nhìn lên bàn thờ nói :

— Ủ nhỉ ! Đồng vô tình quên mua mà
không nhớ.

Thiếu nữ vội vàng đến mở va-li, lấy thẻ
hương ra rồi nói :

— Đã vô tình quên thì nhớ thẻ nào
được. Nhưng em có sẵn đây, hai thầy lấy
mà thắp.

Thuyên đem cái máy đóng vé tàu để giữa
bàn thờ bỏ hương vào trong một cái lách con
rồi tươi cười nói :

— Cái lư hương trông thẻ mà đẹp.

Ba người nhìn nhau cố che miệng để khỏi hật tiếng cười.

Một lát sau, Thuyên quay lại nhìn thiếu nữ rồi dìu lời hỏi :

— Chút nữa tôi quên không hỏi tên cô.

Thiếu nữ vuốt mái tóc rồi nói :

— Tên em ?

Đồng gật đầu :

— Vâng tên cô, vì đã hơn hai năm, lần này chúng tôi mới được gặp một cô gái Trung-kỳ bước chân đến ga này.

Thiếu nữ vẫn giữ nụ cười trên môi nói tiếp :

— Tên em là Bá Xuân.

Thuyên quên mình đang đứng trước một cô con gái lạ, vỗ tay reo lên :

— Vậy qua năm mới, anh em chúng tôi đã rước được một trăm mùa Xuân vào nhà ... ga.

Như hưởng ứng với lời Thuyên, một tràng pháo nổ vang lên gần đấy.

Thiếu nữ ngày thơ nói tiếp :

— Hai anh chờ tướng một trăm mùa Xuân mà bối đâu. Nhiều lắm cơ, không đếm được ! Vì em là Lê ... « les » Bá Xuân.

Thuyên thấy thiếu nữ nói chuyện ngày

thơ, lại xung hô thân mật thì sung sướng vô cùng.

— Nếu vậy thì hôm nay nhà chúng ta đầy nức cả mùa xuân.

Ngay lúc ấy, bên quãng đồng xa, làng Tân-hiệp, một tiếng còi tàu thét lên vang trong đêm tối. Rồi tiếp đến tiếng máy đèn đều của con tàu ra Bắc.

Thuyên buồn rầu cúi mặt nhìn xuống đất, rồi với một giọng đầy nước mắt, nói sê :

— Nhanh thật, đón được mùa xuân chưa đầy hai phút thì đã phải tiễn mùa xuân đi rồi.

Cô Xuân đến ngồi trên chiếc ghế dài, hai tay ôm đầu ra dáng cảm động lắm. Một lát sau, cô ngưng mặt nhìn Thuyên, Đồng rồi với giọng run run, nói lật sê :

— Xuân đi chỉ một, còn xuân ở bên hai anh thì nhiều hai anh à.

Rồi gượng cười, nhưng hai mắt đã nhòa cả lệ, cô Xuân nói tiếp :

— Vì em có những Lê... « les » Bá Xuân.

*TÌNH TRONG
CÂU HÁT*

Một buổi chiều vàng rộng mông mênh.
Trên dòng sông hẹp hãi chiếc thuyền như
cố theo nhau ráo riết. Chiếc trước nhỏ, dang
mảnh khảnh mình thon chỉ được một cánh
buồm nâu bình tam giác. Chiếc sau trông
mạnh mẽ, gỗ láng và mui cao. Phía trước hai
cánh buồm uốn phồng thật cong như nuốt
gió. Hai chiếc thuyền cứ thong thả lướt nhẹ
trên dòng sông cách nhau chừng vài trăm
thước.

Nhưng trước kia hai chiếc ấy đã cùng đi
từ một bến.

Chiều hôm ấy nghe nắng đã bớt màu
vàng khe khắt, và gió đông nam bắt đầu nồi
sau độn cát chùa Quang, anh Đạt từ từ cho
lùi thuyền ra khỏi bến. Anh đã lanh được
một chuyến khoai khô chờ về huyện Quảng.
Giữa cảnh hồn đòn ở bến Bao-vinh, thuyền
sắp ngòn ngang và lái xáy đủ hướng, anh Đạt

chịu khó lầm mới lần được thuyền ra giữa dòng sông. Ngay lúc ấy anh nhận thấy ở phía xa, gần bến Đá, một chiếc thuyền buồm nau cũng từ từ quay lại. Đạt mừng thầm, vì được một chiếc thuyền đi cùng sông không khác gặp một người bạn đi cùng đường. Giữa cảnh đêm hôm họ sẽ đem câu hát ra hỏi chuyện nhau cho sông đỡ dài, đêm đỡ vắng. Đó gần như một cái lệ chung của khách thuyền bè sống trên mặt nước.

Câu hát của họ thường do sự biện bạch thật nhanh và thật sáng, tả được chuyện nhà rõ ràng và mạch lạc không kém gì chuyện bông lông. Nhưng đẹp và tươi nhất là câu chuyện tình. Vì về mặt này họ rất thao. Họ tả một cảnh hồn nhiên, nỗi cô đơn của lòng họ. Lắm lúc họ còn mượn cảnh nước mây để câu chuyện tình thêm thanh thú. Từng ấy chuyện họ thu gọn trong câu hò mái đầy, vắng vắng kéo dài như tiếng chuông ngân quyến gió hay rỉ rền như tiếng nức nở của vọng phu.

Câu hát trên dòng sông đã là lối giới thiệu thầm của hai tâm hồn xa lạ, hay mâu chuyện đời góp nhặt dồi cho nhau nghe. Lẽ thường hẽ nhiều con thuyền trôi trên sông

vắng hay giữa phá dài, là câu bò trao qua đáp lại đã vọng vang ra theo chiều gió. Cũng có khi một chiếc thuyền cõi độc lướt nhẹ theo bờ sông, khách thuyền chỉ biết vu vơ thả câu hò ra giữa bầu trời cao rộng. Rồi trên bờ vắng hay giữa sông sương, vài tiếng hò như tiếng lòng xa vội vàng đáp lại. Người ta cứ thả tiếng hò ra như để làm quen với tiếng hò khác. Và thỉnh thoảng trong bóng tối của đêm dày người ta lại được nghe tiếng hò năm trước. Tiếng hát từ đó lại đồ dồn đê kè cho nhau nghe sự đổi thay của mấy năm xa cách. Và lần lần người ta đã khóc thầm vì hy vọng của xa xưa đã tắt hẳn, hay câu hẹn hò năm trước đã bị quên lãng ở giữa cảnh chồng con. Gặp nhau trên dòng sông có khi vài ba canh tiếp, nhưng bỗng đột ngọt người ta rẽ bến xa nhau. Nhưng họ cũng hy vọng chờ và mong gặp nhau trên một phương sông vô định. Vì đâu không biết mặt nhau nhưng giọng hò và điệu từ họ đã quen nhau rất chặt. Rồi đời này qua kiếp khác, khách của mặt nước cũng chỉ biết tìm tình đời trong câu hát giữa dòng sông.

Đạt goá vợ đã lâu, ngày tháng chỉ biết

đưa thuyền để nuôi con dại. Vợ Đạt ngày xưa là một cô lái thuyền ở làng Vinh-trị. Hôm ấy trời gió lớn và sắp nồi cơn giông, thuyền Đạt và thuyền Liên — tên vợ Đạt — phải ghé vào bờ để nấp sóng. Đã quen nhau từ trước trong câu hát vắng trên sông nên lúc gặp nhau Đạt và Liên không biết ngượng ngùng gì nữa. Câu chuyện tình liền bắt đầu thủ thỉ, trên hai con thuyền tình cờ sóng đã thúc lại gần.

Đạt mè man đưa tay qua thuyền bắt tay Liên và chực vuốt mái tóc tơ đang vờn trong gió lạnh. Liên say sưa cúi đầu nhìn mặt nước, đành câm lặng mà không nói được nên lời. Cách hai tháng sau Đạt lấy Liên và lễ cưới đã cử hành trên một nhóm thuyền kết lại. Vì thuyền đã là gia đình của họ, dòng sông là nơi họ qua về, và muôn bến chỉ là nơi ở tạm. Lễ cưới của Đạt và Liên, cũng như tất cả người người sống trên thuyền không ngờ đã đượm một tình thơ tươi sáng.

Liên với một nhóm thuyền của bạn bè và thân thích đến đậu trước ở bến nứa làng Vân. Vì chính nơi ấy xưa kia hai người đã gặp gỡ. Ba giờ sau một toán thuyền trên mười lăm chiếc về, họ hàng Đạt đến vây đậu chung quanh. Toàn thuyền buôn bán hay làm ăn cả,

nhung hòm ấy họ cũng gắng trang hoàng và dọn dẹp thật sạch sẽ. Giữa đêm họ đem đèn ra lắp chung quanh boong và treo một ngọn đèn khá lớn trên cột buồm, xa trông như một cụm chiến thuyền của thời xa cũ. Họ bày ra ăn uống rất vui vẻ và có lệ hay hay là đồi thuyền nhau đè ngồi. Thường họ thắp đèn thật nhiều chứ không đốt pháo. Vì họ cho tốn tiền và cũng không thêm gì được cuộc vui. Nói chuyện đến nửa đêm thì họ nhô sào giải tán, chỉ để lại hai chiếc thuyền của Đạt và Liên.

Trong lúc thấy đám thuyền đèn từ từ xa bến, Đạt tự nhiên vui vẻ cất tiếng hát vọng lên như liên biêt. Liên đứng nép bên cạnh chồng nhìn đám thuyền trôi, buồn rầu tiếp theo mấy tiếng « hò » dài nghe não nuột ⁽¹⁾. Bên đám thuyền kia, người của hai họ đồng cất tiếng hát vang lên một lần như đáp lại. Tiếng hát của hai bên cứ nhỏ dần, sau chỉ để nghe mơ màng, như tiếng thoảng. Đám đèn xa rồi mờ mãi để lần dần trong cụm sao đỏ phía chân sông. Không biết nghĩ gì Liên tựa đầu trên vai chồng, nhìn dòng nước mênh mang thôn thức.

(1) Lệ trong câu hò mái đây thì một người hát, còn mấy người khác chỉ đưa tiếng "hò".

Từ đó trên giải phá Tam-giang, hai chiếc thuyền của Đạt và Liên cứ kèm nhau theo mãi. Ở với nhau gần ba năm, Liên sinh được một đứa con gái. Nhưng trong kỳ thai sản ấy, Liên bỏ mạng ở nhà thương. Đạt chôn cất vợ xong liền bồng con về sống lại cuộc đời cô quạnh. Giọng hát của Đạt từ đó lẻ bầy, nghe não nùng như oán khóc. Rồi trong khoảng mấy tháng đầu bẽ có dịp chèo thuyền đi xa, Đạt lại nối dây kéo thuyền của Liên đi theo. Trong thuyền ấy chỉ đẽ độc một bát hương khói toả ra nghi ngút. Thuyền của Đạt đi đến đâu, người ta liền đồ dồn ra bờ đứng xem. Đạt vẫn thản nhiên cất giọng hò lanh lanh, gương mặt quá đau khổ đến lạnh lùng như người chở đám ma. Nhưng sau nghe mẹ phân phái trái, Đạt liền bán chiếc thuyền của Liên đi và giao con gái cho mẹ nuôi.

Đạt đã bớt sầu muộn và nghèn làm ăn xuôi ngược đã bắt Đạt quên dần Liên. Nhưng chiều hôm ấy, lúc cho thuyền rời khỏi bến, Đạt tình cờ sống lại một cảnh của thời xưa. Trước mặt Đạt một chiếc thuyền ai đang rẽ nước giống hệt với thuyền Liên. Lòng Đạt hồi hồn một cách lạ. Đạt kéo thêm một buồm nữa để đuổi theo và chính Đạt cũng không biết đẽ

làm gì. Nhưng thuyền Đạt, mũi lún và đầy khoai nên không thể nào lướt nhanh hơn được. Trái lại chiếc thuyền trước chạy như bay, thấp thoáng trong chiều sương trông như bóng mộng.

Đạt liệu bè không theo kịp liền cất tiếng hát hỏi thăm :

*Thuyền ai trôi trước
Cho tôi lướt đến cùng
Chiều đã về trời đất mung lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ nỗi nàng
tiếng sương.*

Giọng hát cất lên thật cao rồi hạ xuống từ từ như than vẫn như kè lề. Trên lái thuyền đi trước bỗng nồi hật bóng một thiếu nữ mặc áo női dài quay đầu nhìn phía sau một lát rồi đáp :

*Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông,
Thân em là gái chưa chồng,
Tơ duyên có chắc như dòng nước không ?*

Đạt giật mình tưởng như tiếng hò của Liên ngày trước. Vì cũng một giọng hò trong trẻo và hơi dài, câu dứt gọn và đưa xinh như sương toả. Đạt nghĩ ngay đến mấy cô lái thuyền làng Vinh-trị, người cùng làng với

Liên. Vì tuy khác tiếng khác câu nhưng mỗi làng có một cách hò riêng không sao lân làm được. Và cũng riêng câu hò ở mặt phá là rộng và lan dài, chứ lối hát ở dòng sông là câu điệu nghe mùi chờ không thanh thoát. Đạt đã sống nhiều năm ở mặt phá nên phân biệt giọng hò thao lắm. Đạt còn biết làng nào ở khúc phá hẹp là giọng hò làng ấy ngắn và trong. Còn những khoảng phá rộng lại un đúc được giọng hò nghe trầm và mạnh.

Chiều này Đạt thao thức trước giọng hò Vịnh-trị vì lòng Đạt bàng hoàng nhớ đến Liên. Đồng áng chung quanh tuy đồi màu bay thay nét, nhưng cũng vẫn cảnh cũ đã làm chứng cho cuộc tình xưa. Chiều đã phai bớt màu lam và dần dần tối sầm. Nhưng giữa mặt sông trời còn sáng hơn làng mạc. Vài ba ngọn đèn dầu thấp thoáng trong hàng cây đèn. Thấy bóng thuyền lướt trên sông, một con chó đứng trên bờ nhìn theo sủa lớn.

Hai giờ sau, hai con thuyền đã ra đỗ phà. Trăng đã lên cao sau đồi cát trăng. Hơi nước toả ra mǎn mặn bốc trong gió mát thoái vi vu. Mặt phá rộng mênh mông lấp loáng ánh trăng vàng trông rất đẹp.

Hai con thuyền vẫn đuôi nhau như cũ,

xa trông như cặp nhạn lướt trên hồ. Đạt có vẻ thất vọng nên giọng hát thoang thoảng đưa ra như tiếng thở. Tiếng đáp của cô lái thuyền phía trước có vẻ quyến luyến và ý vị hơn. Đạt kéo dây lèo cho buồm thật căng để lướt nhanh hơn trước.

Qua làng Thể-chi, gà xa xa đã eo óc gáy canh tư. Giữa vùng trời bảng lảng, lòng Đạt và cô lái không quen đã bắt đầu gặp gỡ. Câu hát đã dồi ra tình tứ, điệu trầm và cảm nghe như tiếng suối vắng rừng khuya.

Dòng phá đến làng Kế-môn dần dần thu hẹp lại đê sau cùng chia hẳn khúc ba sông. Đạt đang hồi hộp lo sợ thì chiếc thuyền trước đã quay mũi về phía Kim-long. Đạt buồn rầu nhìn cánh buồm nau nghiêng mình theo chiều sông như cánh én. Đạt lưỡng lự một chút nhưng hổng đưa tay đầy mạnh đòn bánh lái chờ thuyền xuôi về Đại-lược. Từ thuyền trước một câu hò chia biệt vắng lên không :

Tình về Đại-lược,

Duyên ngược Kim-long,

Đến đây là chỗ rẽ của lòng,

Gặp nhau còn biết trên sông bến nào.

Đạt muốn hò đáp lại, nhưng tự nhiên thấy nghẹn ngào trước cảnh biệt ly. Nhớ đến

Liên, đến người bạn mới trong đêm, Đạt gục
đầu ôm mặt khóc rưng rức.

Trong đám sương mờ óng ả trăng, hai
chiếc thuyền lặng lặng cách và xa gần như
rẽ quạt.

TÓI ĐI HỌC

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tự trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tung hừng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại

lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Qui và không đi ra đồng nô hò như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn.

Đọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tội thèm. Hai quyền vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi hặt tay ghi thật chặt, nhưng một quyền vở cũng xéch ra và chênh đầu chui xuống đất. Tôi xoc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở thiệt nhiều lại kèm cả bút lông nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khố khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi :

— Mẹ đưa bút lông cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm :

— Thôi để mẹ nắm cũng được.

Tôi có ngay cái ý kiến vừa non nớt vừa

ngày thơ này : chắc chỉ người thạo mới cảm nỗi hụt hụt.

Ý nghĩ ấy thoảng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mỹ-lý dày đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi qua làng Hoà-an bầy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần.

Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bàn đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng gì khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi, trường Mỹ-lý trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà-ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn những buồi trưa hè đầy nắng lặng. Lòng tôi đậm ra lo sợ vẫn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bờ ngõ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tồ, nhìn quãng trời rộng muôn bay, nhưng còn ngập ngừng

e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới biên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình trơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dùi các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa. Vì hai chân các cậu cứ dendency dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả banh tườn tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc trường Mỹ-lý cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba. Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đang đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng. Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói :

— Thế là các em được vào lớp năm. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng, và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa.

(Các em đều nghe nhưng không ai nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng đà ran của phụ huynh đáp lại.)

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò trong lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy đã lung tung chúng tôi càng lung tung hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói :

— Thôi, các em lên đứng đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo bay cánh tay của người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lung leo nhin ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các

cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dùi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi.

— Các em đừng khóc. Trưa này các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều dặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thày trẻ tuổi, gương mặt hiền từ, đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lê-xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn ban ghế chỗ tôi ngồi rất

cần thận rồi tự nhiên làm nhân là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa bao giờ biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vô cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thuồng nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bầy chim giữa cánh đồng lúa hay bên bờ sông Viêm sông lại dâng dậy trong trí tôi.

Nhưng tiếng phán của thầy tôi gach mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn châm chỉ nhìn thầy viết và làm hầm đánh vần đọc :

Bài viết tập : Tôi đi học.

BÊN CON
ĐƯỜNG SẮT

Đường từ huyện Sơn-hải về làng Mỹ-lý có hai ba ngả. Ngả tiện và gần nhất là con đường mòn đi băng qua làng Thanh-ý. Con đường này đi qua một cánh đồng ruộng mênh mang rồi lẩn lút trong đám tre xanh chừng nửa dặm trước khi vươn mình qua sông Phù-mỹ. Qua khỏi sông thì gặp ngay con đường sắt chắn ngang nên con đường mòn lai nhập với con đường lớn đi thẳng về làng Mỹ-lý.

Bên con đường mòn, dưới bóng một cây bàng cao lớn, một cái quán tranh đã đi kèm một chấm đen bên lưng đồi sỏi trắng. Cái quán ấy trở mặt nhìn con đường sắt cách xa đáy không đầy một trăm thước.

Ba năm về trước, người ta có dựng lên ở vùng này một cái ga tạm. Nhưng sau nhau thấy khách lên xuống ở ga ấy ít quá nên lại bỏ đi. Thật ra lúc mới dựng ga thì quang cảnh chung quanh không đến nỗi lạnh lung quá.

Lúc nào khách bộ hành cũng qua lại tấp nập, và bao nhiêu đường ở làng Mỹ lý đều quay đầu về ga ấy hết.

Dân trong làng thấy ở địa phận mình có cái ga ấy thì vui thích lắm. Họ thường lên xuống để xem tàu chạy và để nhìn những dàn m้าย làng bên cạnh qua lại ở làng mình. Được thấy những người lạ mặt ấy, họ vui mừng và sung sướng vì họ cho là điềm thịnh vượng của dân cư và sự vang của làng nước.

Hồi ấy trong làng có một cô gái bán gạo trông xinh tươi và thuỳ mị. Cô ta ở một mình với người em trai vì cha mẹ cô qua đời lúc cô mới mười bốn tuổi. Cô ta bán gạo để nuôi em đi học và để trả những món nợ của cha mẹ để lại. Thấy cách bán gạo kiếm tiền không được mấy, nên cô ta dọn một cái quán gầu bên ga.

Nghỉ bán gạo ba hôm, cô Duyên — cô ấy tên Duyên — đã dời được cái nhà của cô đến ở khít bên đồi sỏi trắng. Mấy tháng đầu, cô ta buôn bán thịnh vượng lắm. Cô chỉ chuyên bán cơm quán cho những khách lên xuống tàu, nên quán cô ta lúc nào cũng tấp nập người ra vào.

Tiếng mõ đầu làng mới trở canh ba, cô Duyên đã phải dậy nấu cơm để cho những người đi chuyến tàu bốn giờ sáng. Ngày đêm cô ta chỉ lấy những chuyến tàu qua lại để làm chừng.

Cô ta tiếp đón khách qua đường vui vẻ và chân thật nên ai cũng bằng lòng. Riêng các cô gái trong làng thì không ai ưa tính tình thẳng thắn của cô Duyên. Họ quen ra vào trong những nếp nhà nghi lê gắt gao nên họ cho lối tiếp khách của cô Duyên trong không được đứng đắn lắm. Gặp nhau trên con đường đi xuống chợ hay giữa quãng đồng lúa chín, họ thường khúc khích cười rồi bảo thầm với nhau những câu rất khó chịu :

— Được duyên số như cô Duyên thì bà chịu phận bầm duyên hờn còn hơn.

Một cô khác lấy nón che miệng cười, nói tiếp :

— Các chị em chờ nói đùa ! Trong chị em mình chị nào ẽ chồng thì lên quán cô Duyên cô sẽ chia bớt chồng cho. Vì quán cô Duyên thì đa nhân duyên lắm đấy !

Mỗi lần những tiếng ấy đến tai cô Duyên thì cô chỉ mỉm cười rồi lật lật đi tìm việc

dè làm chứ không bao giờ cô chịu bận lòng
dè ý đến.

Một hôm trời chưa tảng sáng, ở trước
quán cô có người gọi cửa. Cô lật đật ngồi
nhóm dậy rồi đưa hai chân xuống giường sờ
soạng tìm đôi guốc. Tiếng gỗ cửa càng nghe
càng mạnh hơn trước. Cô Duyên vừa lấy
điem thắp đèn vừa tươi cười hỏi bối :

— Qui khách nào đấy ?

Ở bên ngoài có tiếng đáp :

— Qui khách đến mở hàng cho cô đây.

— Vâng cháu sắp mở cửa. Ngài cần dùng
gi ?

Tiếng ở ngoài nghe the thé và có vẻ gắt
göng khó chịu :

— Cần dùng ngủ lại với chủ quán một
đêm.

Nhận được tiếng cô Lan, một người bạn
gái xưa kia cùng ở một xóm, cô Duyên mừng
lắm :

— Cô Lan đấy phải không ? Đi đâu mà
khuya thế ?

Tiếng bên ngoài lần này đòi ra giọng
mỉa mai :

— Vâng, con Lan đây, nhưng làm trò gi
ở trong lại dè tôi phải gọi rát că cồ. Hay

chị bảo tôi là khách đàn bà... nên chị không tiếp.

Dứt tiếng nói thì tiếp đến tiếng gõ cửa kéo thiết nhanh đi về phía ga rồi im bặt sau hàng thông cao vút.

Cô Duyên biết cô Lan nói mỉa minh nhưng cô cũng không buồn cãi lại. Vì cô chán biết không ai muốn tin đến tấp lòng nhỉ nữ đã ăn được thanh bạch trong túp lều tranh mục nát. Nhưng lúc cô vừa đặt mình xuống giường thì tự nhiên hai mắt cô lại chan hoà cả nước mắt. Lần này cô tủi vì đời cô không có người che chở.

Người thường đi lại quán cô ta nhiều nhất là thầy xếp ga. Thầy này cứ ngày hai buổi đến ăn cơm ở quán cô Duyên, còn đêm thì ngủ lại trong ga tạm. Thầy ta tên Truu, tinh tinh lúc nào cũng vui vẻ và hiền từ. Đến mấy bạn ở quán cô Duyên, thầy đã đem lại cho cô quán trẻ tuổi lắm ý kiến hay và sáng suốt. Thầy Truu khuyên cô Duyên nên cho người em trai đi học chữ Pháp vì Hán-văn đã mất hết vẻ thông dụng của thời xưa rồi. Cô Duyên lúc nào cũng sẵn sàng nghe lời thầy Truu vì những ý kiến tươi sáng của

thầy ta lúc nào cũng kèm theo những ý kiến
xa xuôi về cuộc bàn duyên tình ái.

Lửa ái ân của hai người mới bắt đầu
nhóm thì một chuyện không hay bất ngờ
xảy ra.

Cách ga tạm ở làng Mỹ-lý ba cây số, có
một cái ga lớn ở chính giữa làng Kỳ-lâm.
Dân vùng quê thường tính lợi hại từng
lì từng ti nên họ không chịu lên tàu ở ga
Mỹ-lý nữa. Vì chịu khó đi đến ga Kỳ-Lâm
thì họ được lợi bốn xu. Vì vậy mà ga tạm
ở làng Mỹ-lý trở nên hẻo lánh và quang
cảnh chung quanh cũng mất vẻ sầm uất. Một
vài cái quán nước gần ga đã bắt đầu dời đi
nơi khác.

Qua mùa đông năm ấy, thầy Trưu được
giấy bồ vào Nha-trang Nhà ga tạm Mỹ-lý từ
đấy trở nên chỗ trú ngụ của bọn dân nghèo
khô. Quán cơm cô Duyên cũng vì thế mà trở
nên buồn tẻ.

Nhưng cô Duyên nhút định không chịu
giữ quán đem về làng Cô ta đoán biết trước
những vẻ mặt khinh khỉnh, những lời nói
mỉa mai của lâm nguy không ưa cô ta ngày
trước.

Khách bộ hành càng ngày càng thưa thớt

dẫn, nhưng cũng may những người làm ruộng thường ghé lại quán mua nước hay khoai nén nghè buôn bán của cô Duyên cũng tam gọi là sống được. Rồi ngày hai buổi, lúc nghe tiếng còi tàu văng vẳng bên đồng xa, cô Duyên lại lững thững đi lên trước sân ga tam cũ để nhìn tàu chạy. Tiếng máy chạy đều đều của con tàu từ phương xa đi lại đã hoà nhịp với tiếng đập mạnh của quả tim cô. Lần nào cô ta cũng hy vọng thầy Trưu sẽ trở về với cô với cái quán tranh tựa bên đồi sỏi trắng. Nhưng lúc không nhận thấy một mặt nào quen trên chiếc tàu đang vùn vụt chạy, cô ta lại buồn rầu nhìn xuống đất để ám thăm tự hứa sẽ lên ga đón chiếc tàu sắp đến. Trong lúc ấy thì sau luỹ tre già, con tàu ngao nghẽn phút vài lớp khói lên không và thét lên một chuỗi tiếng dài dồn oai với quãng đường muôn dặm.

Qua mùa đông năm sau, giữa một đêm mưa gió dám dề, cô Duyên chợt tỉnh nghe bên ngoài có tiếng gọi. Cô ta đưa hai tay dụi mắt rồi sờ soạng trong bóng tối để tìm lối đi.

— Cô Duyên ơi ! Cô còn thức hay ngủ ?

Nhận được tiếng thầy Trưu, cô Duyên mừng quá run cả người. Cô ta phải vội vào

cột để giữ hơi thở mạnh và để lấy giọng điềm nhiên trả lời :

— Thầy Trưu đây phải không ?

Bên ngoài tiếng thầy Trưu đáp lại hơi run run :

— Phải tôi đây, cô mở cửa nhanh cho tôi vào với.

Tấm cửa tranh vừa mới hé mở thì thầy Trưu nhanh nhẹn bước chân vào. Một luồng gió tràn vào mạnh đã làm tắt cây đèn đè trên ngựa. Cô Duyên loay hoay đi tìm diêm đè thấp lại. Cây diêm đã kề ngon lửa bên bắc, nhưng vì tay cô Duyên run quá nên cây đèn vẫn chưa chịu đốt.

Lúc ánh sáng lù mù đã toả ra khắp nhà, thầy Trưu mới đến vắt cái áo rơi trên lưng ghế, rồi đăm đăm đứng nhìn cô Duyên không chớp mắt. Gương mặt cô Duyên tuy không tươi bằng trước, nhưng cái duyên xưa, cái duyên mộc mạc trên đôi môi hồng thắm, trên cặp má núng đồng tiền vẫn còn mơn mởn như đoá hoa hồng buổi sáng. Thấy đồ đặc trong nhà ngồn ngang và đầy bụi bặm, thầy Trưu cũng đủ biết cảnh nhà cô Duyên ra thế nào rồi. Biết cô Duyên ngượng vì mình đứng

nhìn quá lâu, thầy Trưu đưa tay phủi bụi mưa trên cái mũ dạ để tìm vài câu hỏi.

Sau một lúc đứng yên, thầy Trưu ngạc nghe lên tiếng trước :

— Độ này cô làm ăn có khá không ?

Được nhịp ngắt đầu lên, cô Duyên đưa cặp mắt nhung nhìn thầy Trưu từ đầu xuống chân, rồi e dè sẽ đáp :

— Làm gì mà khá bằng trước được.

Thầy Trưu cũng biết mình đã hỏi một câu thừa nên đứng yên không hỏi nữa. Thấy bút nghiên chữ Hán đè bên cây đèn, thầy Trưu sực nhớ đến người em trai của cô Duyên nên vội hỏi :

— Em Nhàn năm nay lên lớp mấy rồi ?

— Em Nhàn đã trở lại học chữ Hán mấy tháng nay.

Ngạc nhiên thầy Trưu hỏi dồn từng tiếng :

— Học chữ Hán ?

— Vâng, vì sách học chữ Pháp bán đắt tiền quá, nhà nghèo em mua không nổi.

Nhận thấy cảnh túng bấn của cô Duyên, thầy Trưu ngạc ngài thở dài, yên lặng.

Biết mình vô tình đè thầy Trưu đứng lâu quá, cô Duyên xoa tay cười nói :

— Mời thầy ghé ngồi tạm đã.

Như người tinh mộng, thầy Trưu giật mình đưa trái cánh tay nhìn đồng hồ rồi nhìn cô Duyên nói khẽ :

— Cô Duyên ạ, tôi cũng không ngờ đêm hôm nay lại gặp được cô. Vì hôm qua được giấy đòi ra Vinh, tôi phải đáp chuyến tàu suốt đi liền. Nhưng gần đến trước ga tạm Mỹ-lý, con tàu lại bị chết máy. Thùa dịp ấy tôi với vàng xuống thăm cô. Thật tôi không ngờ quán của cô lại còn ở đây.

Cô Duyên nghe ngào nhìn thầy Trưu. Cô đang thầm cảm ơn Trời Đất đã bắt con tàu chết máy, thì vắng vắng ở bên đồng xa, tiếng còi tàu lại thét lên trong đêm vắng.

Thầy Trưu giật mình cúi xuống vớ cái áo lơi rồi tiến đến nắm tay cô Duyên cúi đầu sẽ nói :

— Máy tàu họ đã chữa được rồi. Thời xin chào cô, ngày gặp gỡ trăm năm xin chờ hôm khác.

Nói xong thầy Trưu quay lưng đi ra cửa thật nhanh để dấu hai hàng lệ đã tràn trên má, trong lúc cô Duyên đứng chơi với nhìn theo với cặp mắt đẫm lệ và với tấm lòng tan nát.

Ngoài trời hạt mưa đêm vẫn còn rì rào
trong bụi tre gần bên quán.

Từ đây về sau, mỗi lần chuyến tàu đêm
đi qua trước sân ga Mỹ-lý, cô Duyên lại tưởng
trái tim cô ngừng đập. Vì lúc nào cô ta cũng
tưởng tượng đến ở máy tàu ngừng kêu, và
bên ngoài có tiếng người gọi cửa.

Nhưng sự thật thì con tàu vẫn vùn vụt
đi qua giữa những cánh đồng hoang vắng,
giữa những đêm mưa gió dầm dề, lạnh lùng
và mãnh liệt.

MỤC LỤC

1. Tựa	5
2. Quê Mẹ	11
3. Bến nứa	23
4. Chủ tôi	37
5. Chuyến xe cuối năm	49
6. Ra làng	59
7. Tình thư	77
8. Con ông Hoàng	93
9. Quê bạn	103
10. Một làng chết	115
11. Tình quê hương	125
12. Tình trong câu hát	137
13. Tôi đi học	151
14. Bên con đường sắt	161

ĐÃ PHÁT HÀNH

* **Phong tục Việt-nam**

của Phan Kế Bính

* **Quê Mẹ**

của Thanh Tịnh

* **Cỏ dại**

của Tô Hoài

* **Xóm giếng ngày xưa**

của Tô Hoài

* **Đảng Rồ Bảy**

của Nguyễn Công Hoan

Q U È M E
truyện ngắn của Thanh Tịnh.
In tại Tân Sanh Án quán
12, Bùi Viện — Sài-gòn II,
số lượng : 3.000 quyển. Giấy
phép số : 5991/74/BDVCH/
PHBCNT/ALP/TP ngày 19
tháng 11 năm 74. Phát hành
ngày 10 tháng 4 năm 1975.

ĐÃ PHÁT HÀNH

- * Việt-nam phong tục
của Phan Kế Bính
- * Quê Mẹ
của Thanh Tịnh
- * Cỏ đại
của Tô Hoài
- * Xóm giềng ngày xưa
của Tô Hoài
- * Đảng Rồ Bây
của Nguyễn Công Hoan.

GIÁ 500\$